



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Mục lục

I. Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

II. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát về Công ty
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Thành tựu đã đạt được
4. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
5. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
6. Các rủi ro trong hoạt động

III. Định hướng phát triển Công ty

1. Phương hướng và những giá trị
2. Các mục tiêu chủ yếu của công ty
3. Các mục tiêu về phát triển bền vững

IV. Tình hình hoạt động trong năm 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
3. Tình hình tài chính
4. Tình hình nhân sự

V. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Phân tích tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

VI. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty

VII. Định hướng phát triển 2024

1. Tổng quan về doanh nghiệp - Sứ mạng và các lĩnh vực hoạt động chủ yếu
2. Định hướng năm 2024
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và các giải pháp

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Lương thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐĐH
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT

IX. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo của Ban Điều hành
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
4. Bảng cân đối kế toán và các báo cáo hợp nhất.

I. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại diện CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH (ALTA) tôi trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất tới quý khách hàng, đối tác, quý cơ quan hữu quan, quý cổ đông đã luôn dành cho ALTA sự quan tâm và hợp tác có hiệu quả. Tôi cũng xin cảm ơn toàn thể cán bộ công nhân viên đã cố gắng hết mình đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty. Cảm ơn sự đồng hành trong suốt hành trình hoạt động 40 năm từ khởi sự năm 1984 đến thành lập Công ty thuộc sở hữu Nhà nước với tên “ Công ty Văn hóa Tổng hợp Tân Bình” năm 1989; Chúng ta đã tự thân vượt khó cổ phần hóa Công ty chính thức mang tên “ Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình” vào năm 1998, nỗ lực vươn lên khẳng định vị thế với quyết định niêm yết cổ phiếu mã ALT trên thị trường chứng khoán từ năm 2006. Công ty đã vượt qua những chặng đường gian nan, thử thách, liên tục đổi mới để tồn tại, trưởng thành và phát triển đến ngày hôm nay.

Thành quả của Công ty ngày hôm nay là kết tinh của lòng nhiệt huyết, sự cống hiến của toàn thể cán bộ công nhân viên, sự cộng tác, góp ý và hỗ trợ của đối tác, khách hàng, sự quan tâm tạo điều kiện từ phía tổ chức Đảng, Chính quyền các cấp, cùng các sở, ban ngành, hiệp hội liên quan; Mỗi sự quan tâm cộng tác mà Công ty đã và đang nhận được trong thời gian qua là động lực to lớn để phát triển Công ty hơn nữa trong tương lai vì **“ALTA luôn là người bạn liên kết chân thành”**.

Kính thưa Quý vị

Dự báo nền kinh tế VN năm 2024 - 2025 sẽ tăng trưởng trên cơ sở nền kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo chiều sâu, năng suất lao động tăng bởi ứng dụng khoa học công nghệ, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển giúp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, trong bức tranh sáng sủa đó cũng có nhiều khoảng tối thực tế, khi hàng chục nghìn doanh nghiệp phải rời khỏi thương trường mỗi tháng; rủi ro tài chính - tiền tệ, rủi ro an ninh năng lượng và lương thực gia tăng...

Vì vậy CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH tiếp tục hoạt động theo xu hướng sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và áp dụng công nghệ mới. Cơ hội sẽ ngày càng rộng mở cho chúng ta trong các lĩnh vực. Mục tiêu chiến lược của Công ty là trở thành một doanh nghiệp sáng tạo đóng góp vào nền kinh tế chung những sản phẩm chuyên ngành công nghệ cao và những sản phẩm xanh, thân thiện môi trường...

Năm 2024 với kỷ ức trường kỳ 40 năm hoạt động, 35 năm thành lập Công ty, 26 năm Cổ phần hóa và 18 năm niêm yết cổ phiếu ALT... CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH (ALTA) cam kết luôn tiên phong trong mọi lĩnh vực hoạt động; không ngừng xây dựng một thể hệ nhân lực mới luôn biết chia sẻ, tận tâm và sáng tạo để đưa

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

ra xã hội những sản phẩm chất lượng có tính nhân bản; đồng thời luôn tạo dựng giá trị niềm tin hợp tác phát triển với cộng đồng kinh tế, xã hội như một người bạn chân thành hướng đến tương lai cùng có lợi ích và cùng phát triển bền vững.

Một lần nữa, ALTA xin được chào đón và mong muốn có được những sự hợp tác cùng sẻ chia với tất cả đối tác, khách hàng, công nhân viên chức Công ty và hy vọng sự hợp tác đó sẽ mang lại những cơ hội về vật chất, tinh thần và nhiều hơn thế nữa.

Trân trọng chào thân ái và thành công.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LA THẾ NHÂN

II. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

| | |
|---------------------------|--|
| Tên giao dịch | Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình |
| Tên tiếng Anh | ALTA COMPANY |
| Tên viết tắt | ALTA |
| LOGO |  |
| Giấy chứng nhận đầu tư số | 0613268785 |
| Vốn điều lệ | 61.725.230.000 đồng |
| Vốn đầu tư chủ sở hữu | 214.980.669.081 đồng |
| Địa chỉ trụ sở chính | Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Số điện thoại | 084-28-38162885 |
| Số fax | 084-28-38162887 |
| Email | alta@alta.com.vn |
| Website | www.alta.com.vn |
| Mã cổ phiếu | ALT |

2. Quá trình hình thành và phát triển

1989

Tiền thân của Công ty ALTA là Công Ty Văn Hóa Tổng Hợp Tân Bình - một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1989. Hoạt động theo cơ cấu “Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất” chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa tại thị trường nội địa.

1992

Năm 1992 Công ty được đổi tên là Công Ty Văn Hóa và Dịch vụ Tổng Hợp Tân Bình. Hoạt động theo cơ cấu “Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ”.

1998

ALTA là doanh nghiệp đầu tiên của ngành Văn hóa Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH theo Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/06/1998 của UBND Tp.HCM và Giấy chứng nhận ĐKKD số 064111 do Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp ngày 31/08/1998 với vốn điều lệ ban đầu là 13.347.000.000 đồng.

1999

Đầu tư Dự án Sản xuất Bao bì Xuất khẩu, vốn đầu tư 12 tỷ đồng, công suất 2.400 tấn/năm, tăng thêm 120 lao động. Đầu tư Hệ thống Chế bản tách màu điện tử, vốn đầu tư 03 tỷ đồng, công suất 50 triệu cm² phim/ năm, tăng thêm 20 lao động.

2000

Đầu tư Dự án Sản xuất hạt màu chủ, mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), với vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 30 lao động.

2001

Xây dựng Dự án di dời và đầu tư mới Nhà máy ALTA đặt tại KCN Tân Bình, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng, trong đó xây dựng nhà xưởng và thuê đất 20 tỷ đồng, tăng thêm 200 lao động.

2002

Đầu tư Dự án Sản xuất in trên hệ thống in offset 05 màu, vốn đầu tư 11 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA), nâng công suất in tối đa của Công ty từ 06 tỷ trang in lên 09 tỷ trang in/năm, tăng thêm 10 lao động.

2003

Đầu tư Dự án Sản xuất hóa chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, vốn đầu tư 3.5 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA).

2004

Đầu tư Dự án Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa (hạt CaCO₃), mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 20 lao động.

2006

Đầu tư dự án Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thương mại Lạc Hồng, vốn đầu tư 40 tỷ tại địa điểm 91B Phạm Văn Hai, quận Tân Bình.

“Ngày 22/11/2006, Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là DN đầu tiên thuộc ngành in ấn và bao bì xuất khẩu niêm yết cổ phiếu. Với Vốn điều lệ 13.347 tỷ đồng, ALTA chưa phải là DN mạnh về tài chính trong lĩnh vực nhiều cạnh tranh này, nhưng lại nổi tiếng là DN luôn tiên phong, cả về công nghệ lẫn sản phẩm.” (Trích đăng báo Đầu tư Chứng khoán số 47, ngày 20/11/2006).

2008

Ngày 02 tháng 02 năm 2008, ALTA khánh thành và khai trương Rạp ALTA 4D - MAX SUỐI TIÊN tại Khu Du Lịch Văn hóa Suối Tiên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Văn Hóa Suối Tiên.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa (1998-2008) ALTA khánh thành và khai trương Trung tâm Thương mại & Giải trí ALTA PLAZA ngày 26/7/2008 tại địa điểm 91B2, đường Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình, Tp.HCM với tổng diện tích sử dụng hơn 7.000 m². Trong dịp này, ALTA cũng đưa vào hoạt động Rạp chiếu phim đa chiều cảm giác mạnh 3D TurboRide và Khu Công nghệ Thẻ thao Điện tử Laser Game – lần đầu tiên có tại Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2008, tháng 12/2008 ALTA đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 để tăng vốn điều lệ từ 39.951.250.000 đồng lên 49.339.050.000 đồng.

2009

Thành lập Công ty Liên doanh Đan-Việt giữa công ty ALTA và công ty FORMULA sản xuất thẻ thông minh (theo chương trình tài trợ Kết nối doanh nghiệp B2B giữa hai chính phủ Việt Nam và Đan Mạch) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2009, tháng 12/2009 ALTA đã hoàn tất việc trả cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:9 và tăng vốn điều lệ từ 49.339.050.000 đồng lên 53.562.130.000 đồng.

2010

Khai trương 02 khu vực giải trí Laser Zone tại 02 địa điểm vui chơi giải trí Suối Tiên và Siêu thị Maximark 3T2. Khánh thành tòa nhà văn phòng cho thuê 284-286 Hoàng Văn Thụ. Khai trương Trung tâm Mua sắm Outlet Unique tại tòa nhà Alta Plaza trước đây với mô hình mua sắm hàng hiệu giá rẻ - lần đầu tiên có tại Việt Nam với quy mô lớn.

2014

Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 4.918.520.000 tỷ đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 58.480.640.000 đồng

2015

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 3.244.590.000 đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 61.725.230.000 đồng.

2016

Xây dựng Rạp Cinema Turboride và khu trò chơi giải trí Space Ship tại Khu Du lịch Suối Tiên.

2017

Thành lập Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (tháng 8/2017).

2018

Công ty Cổ phần In thương mại Quảng cáo Âu Lạc khai trương Văn phòng và Nhà máy mới tại địa chỉ Lô IV-7, Đường số 4, Nhóm CN IV, Khu Công Nghiệp Tân Bình.

2020

Công ty lắp ráp hệ thống điện năng lượng mặt trời tại nhà máy ALTA và tiên phong trong việc sử dụng năng lượng sạch để sản xuất các mặt hàng thân thiện môi trường.

2021

Công ty thực hiện “3 tại chỗ” vừa duy trì sản xuất vừa bảo đảm an toàn phòng chống dịch bệnh CoVid-19.

2022

Công ty ALTA MEDIA đưa vào hoạt động Hệ thống nhạc nước điện tử tại Công viên Văn hóa Đầm Sen.

2023

Phát triển DN trở thành DOANH NGHIỆP XANH, Công ty xây dựng Dự án Trạm tái sinh bao bì 3R (Reduce, Reuse, Recycle) nhằm đóng góp giải pháp hữu ích bảo vệ môi trường.

3. Kết quả đã đạt được**a. Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm**

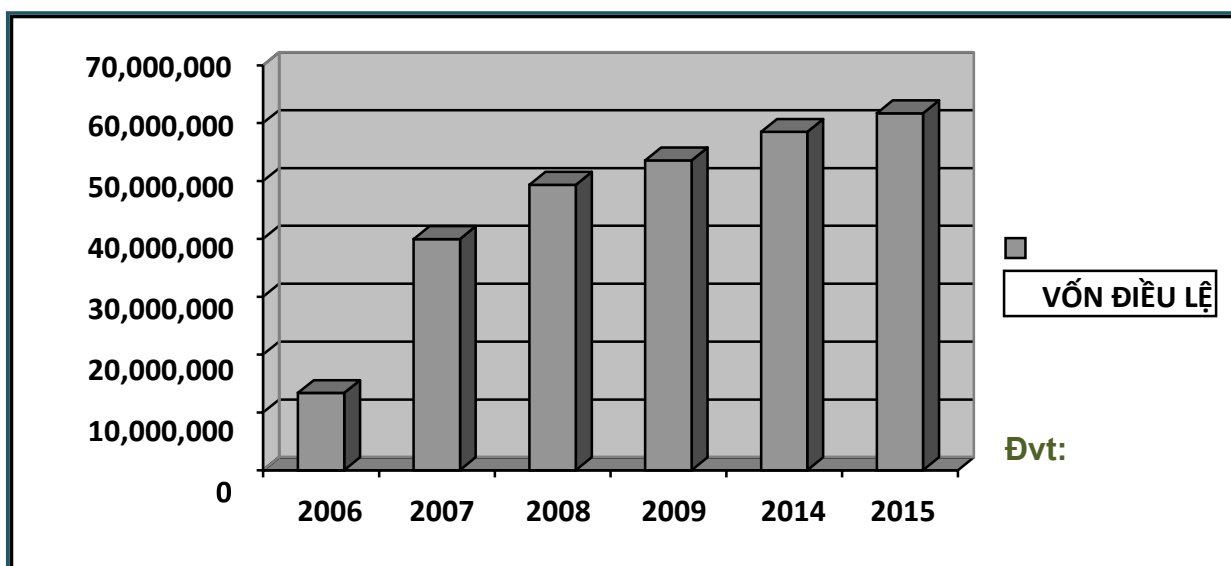
ĐVT: đồng

| NĂM | DOANH THU | LỢI NHUẬN SAU THUẾ | VỐN ĐIỀU LỆ | TỔNG TÀI SẢN |
|-------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| 2006 | 154.472.771.368 | 3.189.192.665 | 13.347.000.000 | 138.611.197.023 |
| 2007 | 180.245.292.938 | 8.694.685.159 | 39.951.250.000 | 235.839.942.843 |
| 2008 | 188.125.545.576 | 10.757.491.608 | 49.339.050.000 | 248.135.793.077 |
| 2009 | 154.472.771.368 | 9.145.944.375 | 53.562.120.000 | 264.827.900.639 |
| 2010 | 141.326.100.730 | 6.625.396.768 | 53.562.120.000 | 268.364.377.358 |
| 2011 | 172.203.931.433 | 6.028.992.749 | 53.562.120.000 | 246.465.466.432 |
| 2012 | 136.888.499.871 | (6.458.705.600) | 53.562.120.000 | 230.589.058.666 |
| 2013 | 123.413.115.014 | 2.138.281.455 | 53.562.120.000 | 217.675.433.988 |
| 2014 | 132.621.747.720 | 938.863.426 | 58.480.640.000 | 221.777.552.892 |
| 2015 | 135.286.205.191 | 6.011.381.394 | 61.725.230.000 | 235.192.442.147 |
| 2016 | 129.104.983.617 | 5.795.920.627 | 61.725.230.000 | 224.604.123.621 |
| 2017 | 144.589.709.984 | 7.682.732.707 | 61.725.230.000 | 228.319.841.394 |
| 2018 | 156.829.819.565 | 7.494.992.753 | 61.725.230.000 | 251.119.236.363 |
| 2019 | 201.551.986.980 | 8.401.309.085 | 61.725.230.000 | 245.094.652.767 |
| 2020 | 192.518.425.441 | 4.088.776.544 | 61.725.230.000 | 292.495.618.295 |
| 2021 | 222.964.375.950 | 5.260.993.498 | 61.725.230.000 | 276.575.206.242 |
| 2022 | 261.515.919.945 | 9.432.070.824 | 61.725.230.000 | 312.303.334.849 |
| 2023 | 303.730.594.211 | 7.019.439.906 | 61.725.230.000 | 326.741.213.834 |

b. Quá trình tăng vốn

ĐVT: đồng

| Thời điểm | Vốn điều lệ điều chỉnh | Vốn điều lệ lũy kế |
|-----------|------------------------|-----------------------|
| 2006 | // | 13.347.000.000 |
| 2007 | 26.604.250.000 | 39.951.250.000 |
| 2008 | 9.387.800.000 | 49.339.050.000 |
| 2009 | 4.223.080.000 | 53.562.120.000 |
| 2014 | 4.918.520.000 | 58.480.640.000 |
| 2015 | 3.244.590.000 | 61.725.230.000 |



4. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động

a. Ngành nghề

Ngành in: Thực hiện các công đoạn từ trước in, in ấn và sau in đối với xuất bản phẩm và các loại ấn phẩm gồm: sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì hàng hóa, brochure quảng cáo, tờ bướm, poster .v.v...

Ngành nhựa: Sản xuất xuất khẩu các loại bao bì nhựa PE, các sản phẩm thân thiện môi trường như bao bì nhựa tự phân hủy, túi phân hủy sinh học kết hợp vô cơ và hữu cơ...

Ngành dịch vụ văn hoá và giải trí: Quảng cáo đa phương tiện, các loại dịch vụ giải trí, công nghệ thể thao, âm nhạc điện tử... Các hoạt động khác: sản xuất khăn giấy cao cấp, cho thuê mặt bằng v.v...

Ngành phát triển phần mềm: Tạo đột phá với Chuyển đổi số nhằm sử dụng công nghệ để tạo ra trải nghiệm khách hàng tốt hơn, cải tiến sản phẩm và dịch vụ cũng như tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

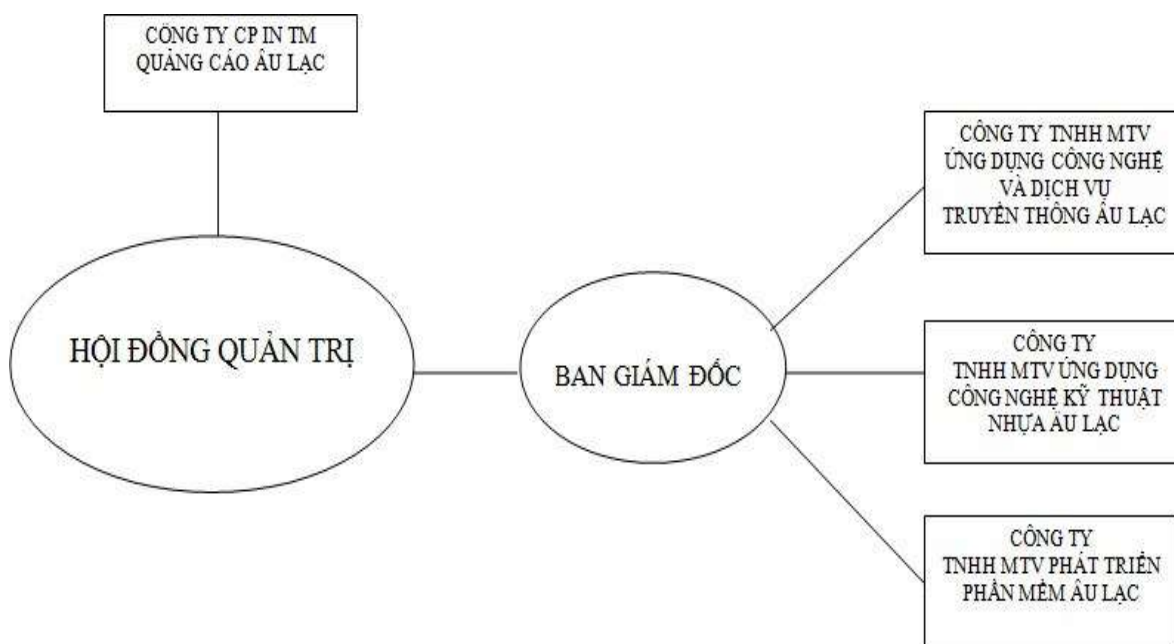
b. Địa bàn

Tp.HCM và các tỉnh thành trong cả nước.

5. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị

ALTA là công ty cổ phần hoạt động quản trị theo mô hình công ty mẹ – con. Về mặt tổ chức cả công ty mẹ và các công ty con đều theo hình thức quản trị 3 cấp: cấp công ty – cấp bộ phận và cấp chức năng. Riêng với các công ty liên quan và liên kết, Công ty ALTA là cổ đông góp vốn và tham gia trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

| | Công ty | Vốn điều lệ | Ngày thành lập |
|-------------------------|---|---|-----------------------|
| Công ty liên kết | Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) | 27/11/2008 |
| Công ty con | Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc (Alta Media) | 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) | 08/08/2008 |
| | Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc (Alta Plastic) | 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) | 13/08/2013 |
| | Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (AltaSoftware) | 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) | 15/08/2017 |

b. Hội đồng quản trị

| Ông La Thế Nhân – Chủ tịch HĐQT | |
|---|--|
| Năm sinh | 1961 |
| Trình độ chuyên môn | Bác sĩ Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh |
| Tóm tắt quá trình công tác | Hiện là Giám đốc Công ty Cổ phần In - Thương mại - Quảng cáo Âu Lạc đồng thời là Chủ tịch HĐQT của ALTA |
| Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không có |
| Số cổ phiếu nắm giữ | 295.550 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,15% SLCP có quyền biểu quyết |
| Bà Lại Thị Hồng Diệp – Phó Chủ tịch HĐQT | |
| Năm sinh | 1961 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Tài chính – Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh |
| Tóm tắt quá trình công tác | Làm việc tại công ty ALTA từ năm 1989 đến nay với các chức vụ Kế toán trưởng năm 1989, Giám đốc Tài chính từ năm 2001, Giám đốc Điều hành từ năm 2006, Phó Tổng Giám đốc từ năm 2011. Hiện Bà Diệp là Phó Chủ tịch HĐQT. |
| Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không có |
| Số cổ phiếu nắm giữ | 355.863 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,20% SLCP có quyền biểu quyết |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

| | |
|---|--|
| Ông Hoàng Văn Điều – Thành viên HĐQT | |
| Năm sinh | 1953 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị |
| Tóm tắt quá trình công tác | Là người sáng lập Công ty - Đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ năm 1989 đến ngày 30/06/2014. |
| Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không có |
| Số cổ phiếu nắm giữ | 582.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,15% SLCP có quyền biểu quyết |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên HĐQT | |
| Năm sinh | 1978 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Tài chính |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ACB |
| Số cổ phiếu nắm giữ | Cá nhân 1670 cổ phiếu và Đại diện 1.051.244 cổ phiếu của Cy Địa ốc ACB |
| Ông Hoàng Minh Anh Tú - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành | |
| Năm sinh | 1980 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Công nghệ Thông tin tốt nghiệp tại Canada |
| Quá trình công tác | Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc từ năm 2008, được bổ nhiệm Tổng giám đốc của ALTA từ 01/07/2014. |
| Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không có |
| Số cổ phiếu nắm giữ | 580.595 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,12% SLCP có quyền biểu quyết |
| Ông Trịnh Xuân Quang – Thành viên HĐQT | |
| Năm sinh | 1966 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ chính trị |
| Tóm tắt quá trình công tác | Thành viên chuyên trách HĐQT Tổng công ty Liksin |
| Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác | Chủ tịch Công ty LIKSIN Phương Bắc |
| Số cổ phiếu nắm giữ | Đại diện vốn 760.211 cổ phần của công ty Liksin chiếm tỷ lệ 13,25% SLCP có quyền biểu quyết. |
| Ông Đoàn Thanh Hải - Thành viên độc lập HĐQT | |
| Năm sinh | 1965 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Kỹ thuật Điện tử và Viễn thông |
| Tóm tắt quá trình công tác | Giám đốc Công ty Nier Rượu vang hảo hạng Việt Nam. |
| Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không có |
| Số cổ phiếu nắm giữ | Không |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

| Ông Nguyễn Anh Thuận | | Thành viên độc lập HĐQT | |
|--|---|--------------------------------|--|
| Năm sinh | 1960 | | |
| Trình độ chuyên môn | Chuyên viên ngành In | | |
| Tóm tắt quá trình công tác | Phó Giám Đốc Cty TNHH In bao bì CD | | |
| Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không có | | |
| Số cổ phiếu nắm giữ | 771 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,013% SLCP có quyền biểu quyết | | |

c. Ban Kiểm soát

| Ông Nguyễn Văn Danh - Trưởng Ban Kiểm soát | |
|---|---|
| Năm sinh | 1965 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật. |
| Quá trình công tác | Nguyên Chủ tịch – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay SASCO |
| Số cổ phần sở hữu | Không |

| Bà Thái Thị Phượng - Thành viên Ban Kiểm soát | |
|--|--|
| Năm sinh | 1965 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Quản trị Kinh doanh |
| Quá trình công tác | Bà Phượng đã làm việc tại ALTA từ năm 1993 đến nay, hiện là Giám đốc Tiếp thị của Công ty. |
| Số cổ phần sở hữu | 24.147 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,42% SLCP có quyền biểu quyết. |

| Bà Quách Thị Mai Trang - Thành viên Ban Kiểm soát | |
|--|--|
| Năm sinh | 1960 |
| Trình độ chuyên môn | Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch |
| Quá trình công tác | Hiện nay là Trưởng ban Kiểm soát Nội bộ của Công ty. |
| Số cổ phần sở hữu | 2.819 phần chiếm tỷ lệ 0,05% SLCP có quyền biểu quyết. |

d. Ban Giám đốc điều hành

| |
|---|
| <p>Ông Hoàng Minh Anh Tú - Tổng giám đốc Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị</p> |
|---|

6. Các rủi ro trong hoạt động:

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

a. Rủi ro biến động giá thị trường

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

b. Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Với địa bàn hoạt động cả trong và ngoài nước cùng với nguồn nguyên liệu chủ yếu là hàng nhập, yếu tố tỷ giá ngoại tệ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế tác động của rủi ro tỷ giá, Công ty luôn cập nhật tình hình tỷ giá thế giới để đưa ra các biện pháp và chính sách phù hợp, chọn thời điểm mua nguyên vật liệu thích hợp, hạn chế phát sinh chi phí trong sản xuất.

c. Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi.

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến chi phí tài chính Công ty phải trả cho các khoản phải trả cũng như các lợi nhuận nhận được từ tiền gửi ngân hàng, cho vay hoặc các công cụ tài chính khác. Hiện nay các khoản nợ tín dụng của công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu tài sản, do đó rủi ro này chưa tác động đáng kể đến hoạt động của công ty.

Đối với các khoản đầu tư tài chính của Công ty, xét về phương diện vĩ mô, sự thay đổi của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức mà công ty đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến giá trị trường của các khoản đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty. Công ty luôn theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, động thái điều hành lãi suất, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, từ đó

đưa ra các dự báo và có các quyết định kịp thời.

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

d. Rủi ro khác :

Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Kế toán, Kiểm toán... Ngoài ra, công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do đó Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan cũng tác động đến Công ty.

Để đáp ứng sự thay đổi của nền kinh tế mở cửa, hội nhập, trong thời gian tới các quy định của Pháp luật sẽ còn nhiều điều chỉnh để đáp ứng kịp thời các quan hệ kinh tế phát sinh. Với rủi ro mang tính hệ thống này, Công ty đã có các biện pháp quản trị như: liên tục cập nhật các văn bản pháp luật, mỗi bộ phận có trách nhiệm nghiên cứu quy định liên quan đến lĩnh vực của mình và báo cáo cho Ban Lãnh đạo về sự thay đổi ngay khi có thông tin; sử dụng dịch vụ tư vấn phù hợp.

Các rủi ro khác do thiên tai, hỏa hoạn... có xác suất xảy ra thấp nhưng có thể gây thiệt hại lớn về cơ sở vật chất và con người, ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Chính vì thế, công ty luôn chú trọng công tác bảo hiểm và bảo vệ tài sản. Bên cạnh đó, công ty đã xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và diễn tập hàng năm cùng lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp của Cảnh sát PCCC.

Một rủi ro khá đặc biệt mà công ty nhận định là rủi ro do quá trình đổi mới - Để đổi mới, doanh nghiệp phải chấp nhận rủi ro và sẵn sàng đón nhận nếu thất bại trong quá trình thực hiện, vì đó là điều không thể tránh khỏi khi doanh nghiệp đang chuyển hướng mới. Cách tốt nhất để tránh rủi ro là việc nghiên cứu cẩn thận, hoạch định chu đáo và sự đồng lòng của các thành viên được thúc đẩy bởi một quá trình truyền thông bền bỉ.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phương hướng và những giá trị

a. Phương hướng

- Xây dựng thương hiệu ALTA uy tín.
- Cam kết hợp tác chân thành.

- Tạo lập giá trị tốt nhất cho cổ đông và các thành viên.

b. Những giá trị

- Luôn tôn trọng sự chân thực.
- Sẵn sàng hợp tác và liên kết.
- Tổ chức thống nhất hành động.

2. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chuỗi hành động hướng tới mục tiêu của ALTA chính là:

- Khuyến khích và đòi hỏi sáng tạo để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bảo đảm uy tín và chất lượng sản phẩm.
- Luôn luôn quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu ALTA.
- Thành công cùng đối tác: Trong suốt quá trình hoạt động, ALTA luôn quan tâm đến việc xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững dựa trên sự tin cậy và lợi ích hài hòa.
- Lấy hiệu quả làm nền tảng: ALTA luôn lấy hiệu quả làm nền tảng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để từ đó giúp công ty đạt được lợi thế cạnh tranh và góp phần xây dựng cộng đồng.
- Sẵn sàng thay đổi để sửa chữa, thích nghi và phát triển.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Với mục tiêu phát triển bền vững, công ty luôn ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội cũng như cộng đồng là một phần không thể thiếu. Vì vậy, công ty đã đặt ra một số tiêu chí sau trong quá trình hoạt động của mình:

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường sống; áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất đối với môi trường. Sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm và hợp lý. Quản lý chất thải, khí thải, nước thải đúng qui định để chúng không ảnh hưởng đến môi trường.
- Tạo ra các sản phẩm bảo đảm sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng. Tuyển dụng và sử dụng lao động không chỉ tuân thủ các quy định của Luật Lao động mà công ty còn tạo ra một môi trường lao động tốt hơn đồng thời phát triển các sinh hoạt nâng cao đời sống tinh thần. Không để xảy ra tình trạng bóc lột, lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em.
- Cùng góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng địa phương, sẵn sàng san sẻ khó khăn với các hoàn cảnh đặc biệt trong địa bàn hoạt động của mình.
- Tôn trọng và tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động kinh tế và quản trị, bảo đảm minh bạch thông tin, đối xử bình đẳng với cổ đông và các thành viên trong tổ chức. Xây dựng tinh thần cạnh tranh lành mạnh và phòng chống tham nhũng trong hoạt động quản trị.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đvt: đồng

| STT | CHỈ TIÊU | 2022 | 2023 | TH 2023/2022 |
|-----|--|------------------------|------------------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 261.691.896.195 | 304.082.597.574 | 116,2% |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 175.976.250 | 352.003.363 | 200,0% |
| 3 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 261.515.919.945 | 303.730.594.211 | 116,1% |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 218.079.654.906 | 260.601.563.379 | 119,5% |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 43.436.265.039 | 43.129.030.832 | 99,3% |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 4.342.997.330 | 5.609.748.901 | 129,2% |
| 7 | Chi phí tài chính | 3.283.490.720 | 3.474.591.674 | 105,8% |
| 8 | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết | 1.151.891.630 | 148.661.173 | 12,9% |
| 9 | Chi phí bán hàng | 11.877.062.483 | 12.370.887.138 | 104,2% |
| 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 22.686.702.883 | 26.025.040.571 | 114,7% |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 11.083.897.913 | 7.016.921.523 | 63,3% |
| 12 | Thu nhập khác | 468.763.235 | 2.234.067.392 | 476,6% |
| 13 | Chi phí khác | 222.454.868 | 685.505.597 | 308,2% |
| 14 | Lợi nhuận khác | 246.308.367 | 1.548.561.795 | 628,7% |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 11.330.206.280 | 8.565.483.318 | 75,6% |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 2.456.916.173 | 1.602.383.313 | 65,2% |
| 17 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | (558.780.717) | (56.339.901) | 10,1% |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.432.070.824 | 7.019.439.906 | 74,4% |
| 19 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.644 | 1.224 | 74,4% |

Các yếu tố liên quan đến chi phí :

- Tỷ giá USD tăng 3,2% (23.730đ → 24.500đ) giá nguyên liệu nhập khẩu tăng.
- Chi phí điện tăng 7,5%.
- Lãi suất vay bình quân dao động từ 7% đến 9% một năm.
- Chi phí lương bình quân tăng 10%.
- Chi phí khấu hao tăng do tập trung đổi mới thiết bị công nghệ.

- Chi phí R&D tăng.
- Phát sinh chi phí quảng bá sản phẩm mới.

2. Phân tích cơ cấu kinh doanh năm 2023

Đvt: triệu đồng

| NGÀNH | 2021 | | 2022 | | 2023 | |
|--|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| | Doanh thu | LN gộp | Doanh thu | LN gộp | Doanh thu | LN gộp |
| Bao bì Nhựa | 147.107 | 15.723 | 158.432 | 14.972 | 195.567 | 22.641 |
| Khăn giấy, thương mại | 33.604 | 12.491 | 34.525 | 14.792 | 29.786 | 10.330 |
| Doanh thu từ mảng phần mềm | 4.991 | 0,22 | 14.189 | 1.966 | 12.195 | 1.338 |
| Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác | 37.262 | 10.544 | 54.370 | 11.706 | 66.184 | 8.820 |
| Cộng | 222.964 | 38.758 | 261.516 | 43.436 | 303.731 | 43.129 |

| NGÀNH | TỶ TRỌNG 2021 | | TỶ TRỌNG 2022 | | TỶ TRỌNG 2023 | |
|--|---------------|-------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
| | Doanh thu | LN gộp | Doanh thu | LN gộp | Doanh thu | LN gộp |
| Bao bì Nhựa | 65,98% | 40,57% | 60,58% | 34,47% | 64,39% | 52,50% |
| Khăn giấy, thương mại | 15,07% | 32,23% | 13,20% | 34,05% | 9,81% | 23,95% |
| Doanh thu từ mảng phần mềm | 2,24% | 0,00% | 5,43% | 4,53% | 4,02% | 3,10% |
| Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác | 16,71% | 27,20% | 20,79% | 26,95% | 21,79% | 20,45% |
| Cộng | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |

Doanh thu ngành nhựa tăng hơn 20% nên lợi nhuận tăng tương ứng mặc dù có tình hình giá nguyên vật liệu ngành nhựa trong năm tăng mạnh, tỷ giá USD/VND bình quân năm tăng 3,2%.

Ngành sản xuất khăn giấy và ngành thương mại doanh thu ổn định.

Ngành truyền thông, giải trí và các dịch vụ khác tăng nhưng do cạnh tranh nên lợi nhuận chưa cao.

3. Chiến lược kinh doanh

- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới công nghệ ngành nhựa và công nghệ thông tin.
- Tăng cường đầu tư tài sản và trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở cải tiến và chế tạo mới.
- Triển khai quảng bá thương hiệu với nhiều hình thức công nghệ mới..
- Xây dựng mối quan hệ win-win với khách hàng truyền thống đồng thời nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng.

4. Sản phẩm mới

- Ngành nhựa :
 - Nâng cấp và chế tạo máy mới hoàn toàn sử dụng hệ thống vi sai điều chỉnh dễ dàng và công nghệ inverter để tiết kiệm điện lên tới 15%.
 - Chế tạo mới máy in 4 màu với năng suất tăng hơn khoảng 30%.
 - Trong năm 2023 đã sản xuất mặt hàng mới là túi phân hủy sinh học kết hợp vô cơ và hữu cơ.
- Ngành truyền thông :
 - Tập trung nghiên cứu, giới thiệu diện rộng để phát triển kinh doanh các sản phẩm phần mềm theo yêu cầu đặt hàng.
 - Xây dựng Dự án Trạm tái sinh bao bì 3R (Reduce, Reuse, Recycle) nhằm đóng góp giải pháp hữu ích bảo vệ môi trường.
 - Sản xuất các robot theo yêu cầu quảng bá của các nhãn hàng lớn.

5. Tình hình đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đvt: đồng

| Năm 2023 | Giá trị ALTA đầu tư đến 31/12/2023 |
|---|------------------------------------|
| Công ty con | |
| Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc | 20.000.000.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc | 20.000.000.000 |
| Công ty Phát triển Phần mềm Âu Lạc | 5.000.000.000 |
| Công ty liên kết | |
| Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | 24.234.542.850 |

6. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2022 | 2023 | So sánh |
|--|-----|-----------------|-----------------|---------|
| Tổng Tài sản | | 312.303.334.849 | 326.741.213.834 | 104,62% |
| Doanh thu thuần | VNĐ | 261.515.919.945 | 303.730.594.211 | 116,14% |
| Lợi nhuận gộp | “ | 43.436.265.039 | 43.129.030.832 | 99,29% |
| Lợi nhuận từ Hoạt động SXKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết) | “ | 11.083.897.913 | 7.016.921.523 | 63,31% |
| Lợi nhuận khác | “ | 246.308.367 | 1.548.561.795 | 628,71% |
| Lợi nhuận trước thuế | “ | 11.330.206.280 | 8.565.483.318 | 75,60% |
| Lợi nhuận sau thuế | “ | 9.432.070.824 | 7.019.439.906 | 74,42% |
| EPS | “ | 1.644 | 1.224 | 74,42% |
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn | Lần | 2,22 | 1,76 | 79,84% |
| Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 1,64 | 1,35 | 83,04% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2022 | 2023 | So sánh |
|--|------|-------|-------|---------|
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 29,79 | 32,51 | 108,75% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 42,43 | 48,16 | 117,18% |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 5,96 | 5,86 | 98,39% |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Vòng | 0,84 | 0,93 | 111,01% |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 3,61 | 2,31% | 64,08% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 4,30 | 3,18% | 73,99% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 3,02 | 2,15% | 71,13% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 3,80 | 2,31% | 64,08% |

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty đều rất tốt. Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như phải trả người bán, người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của công ty hơn nữa.

7. Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2023, Công ty có **402** lao động, tăng 9,53% so với năm trước.

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng 2022 | Tỷ lệ 2022 | Số lượng 2023 | Tỷ lệ 2023 |
|-----------|---|---------------|-------------|---------------|-------------|
| I | Theo trình độ | 367 | 100% | 402 | 100% |
| 1 | Đại học | 70 | 19,07% | 109 | 27,1% |
| 2 | Cao đẳng | 68 | 18,53% | 96 | 23,9% |
| 3 | Trung cấp | 12 | 3,27% | 18 | 04,5% |
| 4 | Phổ thông trung học trở xuống | 217 | 59,13% | 179 | 44,5% |
| II | Theo tính chất hợp đồng lao động | 367 | 100% | 402 | 100% |
| 1 | Hợp đồng có xác định thời hạn | 211 | 57,49% | 163 | 40,5% |
| 2 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 153 | 41,69% | 236 | 58,7% |
| 3 | Hợp đồng theo thời vụ (công nhật) | 3 | 0,82% | 3 | 0,8% |

Chính sách đãi ngộ người lao động của công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty tiếp tục sử dụng công cụ KPI để đánh giá công việc. Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của công ty năm 2023 là 12.015.000 đồng tăng 10% so với năm trước do sản lượng, doanh số tăng.

ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định của Bộ Luật Lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi... và các văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ban Lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, công nhân và nhân viên phải mặc trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của các cấp quản lý để giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động. Trong năm 2023 không có trường hợp tai nạn lao động xảy ra tại công ty do BCH Công đoàn phối hợp với BLĐ thực hiện tốt các biện pháp nhắc nhở, kiểm tra an toàn vệ sinh lao động thường xuyên.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập Văn hóa Doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp,

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, công ty đã rà soát lại chế độ đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng. Bên cạnh đó, BCH Cơ sở Công đoàn ALTA luôn cùng với BDH quan tâm đến đời sống tinh thần cũng như chăm lo cuộc sống của người lao động nên liên tục nhiều năm liền đạt thành tích CĐCS Vững mạnh Xuất sắc và được Cờ Thi đua Hoàn thành Xuất sắc Nhiệm vụ liên tục 6 năm liền (từ năm 2018 đến năm 2023) do Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.

V. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Năm 2023 Công ty ALTA tiếp tục duy trì và đảm bảo thương hiệu XANH với các hoạt động vừa ổn định sản xuất kinh doanh vừa phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới phù hợp nhu cầu xã hội và môi trường.

Các ngành hoạt động và phát triển ở mức trung bình, tuy chưa có bức phá mới nhưng cũng đã duy trì được sự ổn định trước những khó khăn chung.

Phân tích tình hình tài chính năm 2023

Đvt: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng giảm |
|--|------------------------|------------------------|----------------|
| Tổng tài sản | 312.303.334.849 | 326.741.213.834 | 104,62% |
| Tài sản ngắn hạn | 198.634.603.582 | 184.029.658.367 | 92,65% |
| Tài sản dài hạn | 113.668.731.267 | 142.711.555.467 | 125,55% |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 63,60% | 56,32% | 88,56% |
| Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | 36,35% | 43,68% | 120,16% |
| Tổng nợ | 93.041.519.572 | 106.215.204.651 | 114,16% |
| Nợ ngắn hạn | 89.659.584.401 | 104.297.951.370 | 116,33% |
| Nợ dài hạn | 3.381.935.171 | 1.917.253.281 | 56,69% |
| Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | 29,79% | 32,51% | 109,12% |
| Tổng nguồn vốn | 312.303.334.849 | 326.741.213.834 | 104,62% |
| Vốn chủ sở hữu | 219.261.815.277 | 220.544.546.183 | 100,59% |
| Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn | 70,11% | 67,50% | 96,27% |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 3,61% | 2,31% | 64,02% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 4,30% | 3,18% | 74,02% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 3,02% | 2,15% | 71,14% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần | 3,80% | 2,31% | 60,82% |

a. Phân tích tài sản

Tỷ suất đầu tư ngắn hạn năm 2023 giảm từ 63,60% xuống 56,32%, tỷ suất đầu tư tài sản dài hạn tăng từ 36,35% lên 43,68%, những thay đổi này không đáng kể.

Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định là 2,55 lần. Đây là chỉ tiêu nói lên khả năng đáp ứng đầu tư tài sản cố định bằng vốn chủ sở hữu.

b. Phân tích nguồn vốn

Nợ ngắn hạn tăng từ 90 tỷ lên 104 tỷ và đòn cân nợ tăng từ 0,42 lên 0,48 do việc dự trữ hàng tết và dự trữ nguyên vật liệu cho quý I/2025.

Vốn chủ sở hữu tăng 0,59% (do tăng lợi nhuận trong năm).

c. Phân tích tình hình công nợ

Khoản phải thu ngắn hạn từ bán hàng giảm từ 70,7 tỷ xuống 61,7 tỷ (do việc tích cực thu hồi công nợ), khoản phải trả ngắn hạn tăng từ 89,6 tỷ lên 104,2 tỷ (do tăng lượng hàng tồn kho, chuẩn bị hàng hóa bán trước và sau tết)

Vòng quay các khoản phải thu là 4,6 vòng, số ngày trung bình để thu được khoản phải thu là 78 ngày là do công ty có chính sách trả chậm với 1 số tập đoàn bán lẻ lớn.

VI. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Công ty

Khép lại năm 2023, trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn cơ hội và thuận lợi, tình hình diễn biến lại bất thường, phức tạp vượt mọi dự báo trước đó, thế nhưng Việt Nam chúng ta đã cố gắng đạt được nhiều kết quả khả quan khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực với một số dấu ấn nổi bật.

Trong tình hình chung này, năm vừa qua công ty chúng ta đã nỗ lực để đạt mục tiêu kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông đề ra, giữ vững ổn định mọi mặt sản xuất kinh doanh đồng thời tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động của những năm sắp tới.

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) nhận thấy Ban Điều hành (BDH) đã có những chuyển biến thiết thực để ổn định và phát triển các ngành hoạt động theo nhiều hướng mới, BDH đã xây dựng các phương án sản xuất vừa giữ vững thị trường, khách hàng vừa tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và tăng năng suất chiếm lĩnh thị trường cũng như khách hàng mới.

Những điểm mạnh

- Tình hình tài chính công ty luôn ổn định và đủ tiềm lực cung ứng kịp thời cho việc vận hành sản xuất kinh doanh.
- Phát triển sản phẩm công nghệ truyền thông theo hướng đón đầu xu thế chuyển đổi số đã tạo ra thế mạnh đủ sức cạnh tranh về nội dung và chất lượng.
- Công ty chú trọng việc vừa ổn định sản xuất vừa nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để đón đầu xu hướng kinh doanh và tiêu dùng của xã hội.
- Cơ cấu tổ chức của công ty từng bước được xây dựng hoàn thiện hợp lý hơn, phát huy được tiềm năng của lực lượng lao động tại chỗ và lao động tuyển mới.

Những điểm yếu

- Lực lượng công nhân tay nghề cao ngày càng mỏng do tuổi tác và tác động của sự dịch chuyển lao động giỏi về các địa phương khác. Việc đào tạo tại chỗ lực lượng công nhân giỏi kế thừa chưa được chú trọng.
- Dù đã sau đại dịch khá lâu nhưng sự phục hồi của nhu cầu giải trí của các tầng lớp nhân dân khá chậm do sự sụt giảm khả năng tài chính của người tiêu dùng dẫn đến thị trường truyền thông trước đây bị thu hẹp, vì vậy việc vừa lấy lại thị trường vừa phát triển khách hàng trở thành một thách thức mới.
- Thu nhập của người lao động tuy có tăng nhưng chưa kịp mức bù đắp chi phí sinh hoạt ngày càng tăng cao.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành Công ty

Năm 2023, BDH đã nhanh chóng nắm bắt tình hình mới, khá linh hoạt trong việc vừa ổn định sản xuất vừa tăng sản lượng và phát triển thị trường mới với sản phẩm và khách hàng mới.

Một số thành quả được ghi nhận như sau:

- Ổn định sản xuất, tăng cường công tác tiếp thị và gia tăng chăm sóc khách hàng tạo đà tăng trưởng doanh thu cho các sản phẩm chủ yếu và sản phẩm mới của công ty.
- Tận dụng tối đa các nguồn lực để đảm bảo giá thành và định mức lợi nhuận trong hoàn cảnh biến động của các giá trị đầu vào và thực tế khó khăn của năm.
- Nắm bắt tình hình và xu hướng tiêu dùng cũng như những đòi hỏi mới về bảo vệ môi trường BĐH đã nhanh chóng phát triển mảng R&D để chuyển đổi số hóa và phát triển Doanh nghiệp XANH.
- Trong năm không có biến động nhân sự lớn, lực lượng lao động yên tâm sản xuất kinh doanh và đóng góp nhiều sáng kiến tốt cho việc vận hành doanh nghiệp.

| Chỉ tiêu đánh giá hoàn thành kế hoạch | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | So sánh |
|--|----------------------|-----------------------|----------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 8.750.000.000 | 8.565.483.318 | 97,89% |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.000.000.000 | 7.019.439.906 | 100,28% |
| Chia cổ tức | 10% | 10% | 100.0% |

VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2024

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 được xây dựng dựa trên các căn cứ từ tình hình thực tế của doanh nghiệp, từ nhận định và phân tích môi trường kinh doanh để nhìn nhận được những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội và thách thức của công ty trong thời gian tới. Trên cơ sở đó đề ra định hướng kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp thực hiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mang theo nhiều lợi ích hơn cho các cổ đông và người lao động công ty.

Bên cạnh đó công ty cũng chủ động dự trù xây dựng xoay chuyển kế hoạch sản xuất kinh doanh để kịp thời phù hợp với tình hình phát sinh và phát triển của thị trường.

Xác định vị thế công ty 2024

- Sản phẩm ngành nhựa của công ty là bao bì nhựa tự hủy, bao bì chuyên dùng và sản phẩm nhựa mềm đa năng rất phù hợp nhu cầu thị trường và thân thiện với môi trường. Công ty Nhựa Âu Lạc đã xây dựng được đội ngũ kỹ thuật đã chế tạo thành công một

số máy chuyên dùng ngành nhựa dùng để sản xuất nội bộ đồng thời cung ứng cho khách hàng bên ngoài. Một số máy đã sản xuất và lắp đặt thành công như Trạm tái sinh bao bì (reduce, reuse, recycle), máy in nhựa sử dụng hệ thống vi sai điều chỉnh và inverter, máy bán hàng tự động...

- Alta Media đã thành công khi xây dựng một số dòng sản phẩm mới như hệ thống đèn LED quảng cáo đi kèm với nội dung sáng tạo và tương thích, hiện đứng thứ hai về cho thuê LED có nội dung tích hợp tại Tp. HCM.
- Nhóm công ty Alta Media đã trở thành nhà cung cấp uy tín và chuyên nghiệp cho hệ thống thông tin viễn thông, công nghệ lập trình điện tử và cung cấp giải pháp hữu ích cho thị trường số hóa.
- Alta Media cũng là công ty đứng trong top đầu các doanh nghiệp cung cấp phần mềm tương tác và công nghệ mô phỏng chuyển động không gian thực... Tạo đột phá với chuyển đổi kỹ thuật số (Digital Transformation), sử dụng công nghệ để tạo ra trải nghiệm khách hàng tốt hơn. Góp phần cải tiến sản phẩm và dịch vụ nhằm giúp khách hàng tăng hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó Alta Media cũng nghiên cứu và phát triển hệ thống mạng lưới thiết bị kết nối internet (IoT) nhằm nâng cao giá trị sản phẩm đa dạng.
- Sản phẩm ngành in của công ty liên kết In Âu Lạc là sản phẩm in bao bì ngành dược và sản phẩm bao bì cao cấp bảo đảm chất lượng tốt và đồng đều ngay cả lô hàng số lượng lớn và đặc biệt là đã khẳng định được đẳng cấp và thế đứng vững vàng trong thị trường đầy cạnh tranh của ngành in.
- Công ty cũng hiện đang sản xuất hàng loạt các nhãn hàng khăn giấy và bao bì mang thương hiệu do các tập đoàn thương mại lớn đặt hàng...
- Nguồn bất động sản Công ty sở hữu đang chờ các dự án kích hoạt và kế hoạch triển khai đúng thời cơ và hiệu quả.

a. Cơ hội

Ngành sản xuất

- Sản phẩm bao bì nhựa sẽ có nhiều đơn hàng hơn do chiến lược tập trung phát triển khách hàng mới năm 2023 đã bắt đầu phát huy hiệu quả.
- Đội ngũ kỹ thuật vững mạnh với việc tự sản xuất và cải tiến kỹ thuật công nghệ nhựa đã tạo tiền đề cho ngành nghề này của công ty phát triển.
- Công ty Nhựa Âu Lạc đã có chỗ đứng trên thị trường trong nước do việc công bố hợp quy của sản phẩm bao bì nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được Sở Y Tế Tp.HCM xác nhận.
- Sản phẩm bao bì in ấn đặc chủng ngành Dược của Công ty In Âu Lạc xây dựng đạt chuẩn phù hợp GMP.

- Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ vào các kênh tập đoàn bán lẻ mới sẽ trở thành một trong những kênh tiêu thụ thêm vào của sản phẩm Alta.
- Sự hỗ trợ và phối hợp của công ty Alta software trong việc xây dựng các phần mềm quản trị thông minh sẽ giúp cho các đơn vị sản xuất giải được bài toán ERP trong điều hành và sản xuất kinh doanh.

Ngành công nghệ thông tin

- Công nghệ số mới nổi: Các công nghệ số mới nổi như blockchain (chuỗi khối), trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn và Internet vạn vật (IoT) có thể tạo bước nhảy vọt trong việc nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghiệp, đơn giản hóa chuỗi cung ứng và logistics và giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.
- Nhu cầu cao hơn về an ninh mạng và bảo mật cá nhân: Số lượng doanh nghiệp và người tiêu dùng tham gia vào nền kinh tế số gia tăng dẫn đến nhu cầu cao hơn về an ninh mạng và bảo mật cá nhân, đặc biệt là khi những lĩnh vực trọng yếu như hệ thống tài chính và chính phủ ngày càng được số hóa.
- Cơ sở hạ tầng số hiện đại: Một nền kinh tế số phát triển đòi hỏi cơ sở hạ tầng năng lượng và kỹ thuật số đảm bảo chất lượng – đặc biệt đối với các công nghệ thâm dụng năng lượng như Internet vạn vật hay Trí tuệ nhân tạo. Mạng lưới viễn thông mới cũng cần thiết lập để đảm bảo internet băng thông rộng có thể xử lý khối lượng dữ liệu số khổng lồ phục vụ cho việc vận hành các ứng dụng mới.
- Sự gia tăng về các kỹ năng số, dịch vụ số và nền kinh tế việc làm tự do: Nhu cầu về ngành dịch vụ và các sản phẩm, dịch vụ số tăng cao đồng nghĩa với việc đầu tư nhiều hơn nữa vào giáo dục đại học, trang bị kỹ năng số, kỹ năng khởi nghiệp và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Việt Nam. Xu hướng giảm dần các công việc có tính chất an toàn, cố định, lặp đi lặp lại; tăng lên nhu cầu sử dụng các nền tảng về lao động và sản phẩm để tạo ra thu nhập và dịch chuyển ngành sáng tạo hơn trong thị trường lao động.
- Thay đổi hành vi tiêu dùng – cộng đồng số, người có ảnh hưởng, tiêu thụ giá trị nhiều hơn: Hành vi của người tiêu dùng đang thay đổi trước sự nổi lên của các tầng lớp trung lưu châu Á hướng tới sử dụng các sản phẩm và dịch vụ có giá trị cao từ nền kinh tế số. Đồng thời, người tiêu dùng cũng ngày càng thích nghi hơn với nền kinh tế số, điều này làm tăng sức ảnh hưởng của các nhóm, những người nổi tiếng/có ảnh hưởng trong nền kinh tế số - đối với hành vi của nhà cung cấp và của người tiêu dùng.
- ALTA luôn có nền tài chính lành mạnh, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án sản phẩm và dịch vụ mới.

b. Những thách thức

- Hiện nay thị trường đang ngày càng ổn định, sức mua tăng dần đòi hỏi các nhà cung cấp phải cạnh tranh bằng chất lượng và giá thành. Mặt khác các loại chi phí đầu vào lại tiếp tục tăng trong năm 2024, công nghệ mới tự động hóa được đầu tư nhưng công nhân lao động kỹ thuật còn yếu nên năng suất chưa cao, kỹ năng quản trị cấp quản trị trung gian chưa được nâng tầm ... sẽ là những yếu tố phải quan tâm hàng đầu của Ban Điều hành.
- Doanh nghiệp sản xuất ngành nhựa đang gặp phải các khó khăn về chuyển đổi xanh và việc tuân thủ các thủ tục hành chính về sản phẩm bảo vệ môi trường.
- Doanh nghiệp công nghệ thông tin và giải trí sau thời gian tự thu hẹp phải được phục hồi trên cơ sở cải tiến mạnh, phải biết sáng tạo xu hướng và bảo đảm dịch vụ hậu mãi tốt để nắm bắt và duy trì lượng người dùng ổn định và lớn mạnh.
- Các mặt bằng kinh doanh của công ty đa số đã có tuổi thọ hơn 30 năm nên đòi hỏi phải được sửa chữa lớn cũng như đầu tư trang thiết bị mới phù hợp công năng và nhu cầu khách thuê. Bên cạnh đó việc tuân thủ các quy định mới về công tác phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường cũng sẽ tạo ra các chi phí phát sinh mới...

c. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và các giải pháp

1. Kế hoạch chung

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024.
- Tập trung đẩy mạnh hoạt động SXKD lõi nền đồng thời tập trung phát triển các sản phẩm công nghệ sáng tạo, đầu tư mới, nâng cấp theo hướng hiện đại và tự động hóa hệ thống máy móc thiết bị đang sản xuất...
- Nâng cao hiệu quả SXKD thông qua việc thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ phương pháp quản trị và điều hành trên nền tảng công nghệ, sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó quyết tâm triển khai có lộ trình nhận diện thương hiệu ALTA trên thị trường trong và ngoài nước.
- Quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ công nhân, viên chức đồng thời thực hiện các biện pháp khuyến khích động viên đội ngũ sáng tạo, phát huy sang kiến để hoàn thành nhiệm vụ.

2. Kế hoạch quảng bá cụ thể của các ngành hoạt động

- **Ngành công nghệ thông tin:**
 - o Tạo nội dung (video) của các dự án đã thực hiện và các sản phẩm R&D trên Website và các kênh xã hội như Youtube, Facebook...

- Đẩy mạnh việc tiếp thị bằng thư điện tử, các sự kiện, các diễn đàn công nghệ trong và ngoài nước đến các phân khúc khách hàng tiềm năng.
- Xây dựng thương hiệu Alta Media tiến vào Top 10 Việt Nam trong việc tư vấn giải pháp và triển khai chuyển đổi số cho các doanh nghiệp và đơn vị dịch vụ công.
- Tham gia các hoạt động hướng nghiệp tại các đơn vị giáo dục...

- Ngành sản xuất nhựa:

- Tăng sản lượng năm từ 18 đến 20% so với năm trước.
- Phát triển các mặt hàng truyền thống như túi rác, túi cuộn, khăn trải bàn theo hướng ngày càng tiện dụng và thương mại online, đến tận tay người tiêu dùng.
- Phát triển mặt hàng mới là Bao bì nhựa phân hủy sinh học (từ nhựa sinh học thân thiện môi trường).
- Công ty tiếp tục hoàn thiện Dự án Trạm tái sinh bao bì 3R (Reduce, Reuse, Recycle) nhằm đóng góp giải pháp hữu ích bảo vệ môi trường.

3. Các giải pháp

Công ty phải thực hiện các giải pháp phù hợp và đồng bộ để triển khai việc thực hiện kế hoạch năm 2024 như sau:

- Giải pháp tài chính.
- Giải pháp sản xuất.
- Giải pháp marketing.
- Giải pháp nhân lực.
- Giải pháp công nghệ – kỹ thuật.
- Giải pháp quản lý và điều hành.

4. Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch 2024

Đvt : VNĐ

| Chỉ tiêu đánh giá kế hoạch | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 |
|----------------------------|----------------|---------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 8.565.483.318 | 8.750.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.019.439.906 | 7.000.000.000 |
| Chia cổ tức | 10% | 10% |

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng Quản trị****a. Thành viên HĐQT**

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT |
|-----|-----------------------|------------|---------------------------------|
| 01 | Ông LA THẾ NHÂN | Chủ Tịch | 15/08/1998 |
| 02 | Bà LẠI THỊ HỒNG ĐIỆP | Phó CT | 15/08/1998 |
| 03 | Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU | Thành viên | 15/08/1998 |
| 04 | Ông HOÀNG MINH ANH TÚ | Thành viên | 26/03/2012 |
| 05 | Ông NGUYỄN MINH TUẤN | Thành viên | 14/04/2017 |
| 06 | Ông TRỊNH XUÂN QUANG | Thành viên | 22/06/2022 |
| 07 | Ông ĐOÀN THANH HẢI | Thành viên | 22/06/2022 |
| 08 | Ông NGUYỄN ANH THUẬN | Thành viên | 22/06/2022 |

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Với quy mô hiện tại, Hội đồng Quản trị công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị sẽ chuyên trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng Quản trị theo từng thời kỳ.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm HĐQT Nhiệm kỳ 6 có 06 cuộc họp định kỳ và cuộc họp theo yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|
| 01 | Ông LA THẾ NHÂN | 06/06 | 100% |
| 02 | Bà LẠI THỊ HỒNG ĐIỆP | 06/06 | 100% |
| 03 | Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU | 06/06 | 100% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

| | | | |
|----|-----------------------|-------|-------|
| 04 | Ông HOÀNG MINH ANH TÚ | 06/06 | 100% |
| 05 | Ông NGUYỄN MINH TUẤN | 06/06 | 100% |
| 06 | Ông TRỊNH XUÂN QUANG | 05/06 | 83,3% |
| 07 | Ông ĐOÀN THANH HẢI | 05/06 | 83,3% |
| 08 | Ông NGUYỄN ANH THUẬN | 06/06 | 100% |

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị :

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---|-----------------|
| 01 | 01/03/2023/NQ-HĐQT-ALT | 03/03/2023 | Về việc chấp thuận đơn từ nhiệm HĐQT của ông BÙI MẠNH CÔN | 100% |
| 02 | 03/2023/NQ-HĐQT | 03/03/2023 | Về việc tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023. | 100% |
| 03 | 04/2023/NQ-HĐQT | 11/04/2023 | Nghị quyết tổ chức ĐHCĐ 2023 | 100% |
| 04 | 01/07/NQHĐQT/2023 | 18/07/2023 | Phê duyệt Cty Kiểm toán. | 100% |
| 05 | 03/07/NQ-HĐQT-2023 | 18/07/2023 | Về việc ban hành Quy chế CBTT của Cty | 100% |
| 06 | 01/08/ NQ-HĐQT-2023 | 01/08/2023 | Về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán Trưởng, Giám đốc Tài chính của Cty | 100% |

d. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc

- Hàng quý xem xét báo cáo điều hành và báo cáo tài chính của BDH công ty.
- Rà soát việc thực thi kế hoạch ĐHCĐ hàng năm và công tác quản trị của BDH.
- Truyền đạt những yêu cầu và mong đợi của HĐQT cho kỳ kinh doanh tới.
- Kiểm chứng lại mức độ chính xác của các thông tin mà BDH cung cấp.

- Dự báo rủi ro có thể xảy ra và yêu cầu BDH có biện pháp phòng chống cụ thể.
- Kiểm tra các hoạt động Kiểm soát nội bộ.
- Kiểm tra hoạt động của các phòng ban lên quan đến việc tổ chức ĐHCĐ 2024.
- Rà soát các quyết định phân công và bổ nhiệm lại các chức danh quản lý trong công ty.

e. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Các thành viên HĐQT độc lập cùng tham gia các phiên họp định kỳ và bất thường đồng thời thực thi trách nhiệm của mình cùng với các TVHĐQT khác.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS |
|-----|------------------------|------------|--------------------------------|
| 01 | Ông NGUYỄN VĂN DANH | Trưởng ban | 22/06/2022 |
| 02 | Bà THÁI THỊ PHƯƠNG | Phó ban | 26/03/2012 |
| 03 | Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG | Thành viên | 26/03/2012 |

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|------------------------|---------------------|-------------------|------------------|
| 01 | Ông NGUYỄN VĂN DANH | 4/4 | 100% | 100% |
| 02 | Bà THÁI THỊ PHƯƠNG | 4/4 | 100% | 100% |
| 03 | Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG | 4/4 | 100% | 100% |

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân theo quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát tiến hành các cuộc họp định kỳ vào hàng quý để đánh giá tình hình tài chính, hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và sự phối hợp giữa các bộ phận này. Trong trường hợp đặc biệt và khẩn cấp, BKS tổ chức các cuộc họp bất thường để thống nhất kịp thời về phương án giải quyết vấn đề nảy sinh. BKS tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và góp ý kiến của mình theo nguyên tắc trình tự của cuộc họp.

c. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc thực hiện các chế độ báo cáo thông kê, khai thuế hàng tháng, báo cáo tài chính.
- Kiểm tra và xác nhận Báo cáo Tài chính 2023 phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành.

d. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Phối hợp với HĐQT-BĐH-Các cán bộ quản lý về việc xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.
- Góp ý hoàn thiện việc báo cáo định kỳ của các đơn vị trực thuộc.

3. Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BGĐĐH và BKS

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Lương thưởng và thù lao của HĐQT, BGĐĐH và BKS thực hiện theo quy chế lương thưởng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và các quy chế về đánh giá hoạt động khác.

Trong năm 2023, tổng thù lao HĐQT nhận được là 420 triệu đồng và tổng thù lao Ban Kiểm soát nhận được là 90 triệu đồng. Ban Giám đốc điều hành nhận lương theo quy chế lương và thỏa thuận lao động với công ty.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2023

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng do |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|-----------------|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 01 | HOÀNG VĂN ĐIỀU | Thành viên HĐQT | 578.860CP | 9,38% | 582.000 CP | 9,43% | Nhu cầu cá nhân |
| 02 | HOÀNG MINH ANH TÚ | TGD/ Con TV HĐQT | 37.595CP | 0,61% | 260.595 CP | 4,22% | Nhu cầu cá nhân |

| | | | | | | | |
|----|----------------------------------|-----------------------|----------|-------|---------------|-------|--------------------|
| 03 | HOÀNG MINH ANH TÀI | Con TV HĐQT | 2.100 CP | 0,03% | 282.100 CP | 4,57% | Nhu cầu cá nhân |
| 04 | LẠC HẢI BÌNH | Con đầu TV HĐQT | 00 CP | 0% | 2.000 CP | 0.03% | Nhu cầu cá nhân |
| 05 | NGUYỄN LẠI XUÂN DUYÊN | Con TV HĐQT | 00 CP | 0% | 60.000 CP | 0,97% | Nhu cầu cá nhân |

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ALT chốt sổ ngày 02/04/2024 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam.

a. Cổ phần

| | |
|----------------------------------|----------------------|
| Vốn điều lệ: | 61.725.523.000 đồng |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành: | 6.172.523 cổ phiếu |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| - Cổ phiếu thường: | 6.172.523 cổ phiếu |
| - Cổ phiếu ưu đãi: | 0 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: | 5.736.709 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu quỹ: | 435.814 cổ phiếu |

b. Cơ cấu cổ đông

| | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu / VĐL |
|-----------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------------------------|
| I | <i>Cổ đông trong nước</i> | 517 | 5.975.007 | 96,8% |
| | Cổ đông nhà nước | 1 | 760.211 | 12,32% |
| | Cổ đông tổ chức | 8 | 1.210.504 | 19,61% |
| | Cổ đông cá nhân | 507 | 3.568.478 | 57,81% |
| | Cổ phiếu quỹ | 1 | 435.814 | 7,06% |
| II | <i>Cổ đông nước ngoài</i> | 27 | 197.516 | 3,20% |
| | Cổ đông tổ chức | 2 | 25.521 | 0,41% |
| | Cổ đông cá nhân | 25 | 171.995 | 2,79% |
| | Tổng cộng | 544 | 6.172.523 | 100% |

d. Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên cổ đông | Số lượng (cổ phiếu) | Tỷ lệ/CPBQ | Tỷ lệ/TSCP |
|-----|------------------------------|---------------------------|---------------|---------------|
| 1 | Công ty Cổ Phần Địa ốc A.C.B | 1.051.244 | 18,32% | 17,03% |
| 2 | Tổng Công Ty LIKSIN | 760.211 | 13,25% | 12,32% |
| 3 | Hoàng Văn Điều | 582.000 | 10,15% | 9,43% |
| 5 | Hoàng Minh Anh Tú | 580.595 | 10,12% | 9,41% |
| 6 | Lại Thị Hồng Điệp | 355.863 | 6,20% | 5,77% |
| 7 | La Thế Nhân | 295.550 | 5,15% | 4,79% |
| | Tổng cộng | 3.625.463 | 63,19% | 58,75% |

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | |
|-----|-----------------------|------------|---------------------------------|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 01 | Ông LA THẾ NHÂN | Chủ Tịch | 15/08/1998 | |
| 02 | Bà LẠI THỊ HỒNG ĐIỆP | Phó CT | 15/08/1998 | |
| 03 | Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU | Thành viên | 15/08/1998 | |
| 04 | Ông HOÀNG MINH ANH TÚ | Thành viên | 26/03/2012 | |
| 05 | Ông NGUYỄN MINH TUẤN | Thành viên | 14/04/2017 | |
| 06 | Ông TRỊNH XUÂN QUANG | Thành viên | 22/06/2022 | |
| 07 | Ông ĐOÀN THANH HẢI | Thành viên | 22/06/2022 | |
| 08 | Ông NGUYỄN ANH THUẬN | Thành viên | 22/06/2022 | |

TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG MINH ANH TÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02-03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04-05 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán | 06-46 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 06-08 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 09 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 10-11 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 12-46 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Ông La Thế Nhân | Chủ tịch | |
| Bà Lại Thị Hồng Điệp | Phó chủ tịch | |
| Ông Hoàng Văn Điều | Thành viên | |
| Ông Hoàng Minh Anh Tú | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn | Thành viên | |
| Ông Trịnh Xuân Quang | Thành viên | |
| Ông Đoàn Thanh Hải | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Anh Thuận | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Văn Mạnh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26/04/2023 |
| Ông Bùi Mạnh Côn | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26/04/2023 |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|-----------------------|-------------------------|
| Ông Hoàng Minh Anh Tú | Tổng Giám đốc điều hành |
|-----------------------|-------------------------|

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Văn Danh | Trưởng ban |
| Bà Thái Thị Phượng | Thành viên |
| Bà Quách Thị Mai Trang | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG ĐỢI TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Số: 290324.008/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue ink signature, likely belonging to Đặng Huy Hoàng, written in a cursive style.

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 184,029,658,367 | 198,634,603,582 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 6,735,071,552 | 14,130,215,548 |
| 111 | 1. Tiền | | 6,735,071,552 | 12,395,724,813 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | 1,734,490,735 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 72,650,000,187 | 62,154,820,929 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 616,049,276 | 691,098,879 |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (14,199,975) | (226,312,979) |
| 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 72,048,150,886 | 61,690,035,029 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 61,780,263,891 | 70,738,522,789 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 47,626,208,537 | 48,855,128,749 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 14,047,377,127 | 21,339,386,883 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 327,974,572 | 750,467,336 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (221,296,345) | (206,460,179) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 9 | 40,234,892,062 | 48,696,115,376 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 40,234,892,062 | 48,696,115,376 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 2,629,430,675 | 2,914,928,940 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 15 | 425,307,893 | 792,262,051 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 2,081,329,500 | 1,651,771,746 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 18 | 122,793,282 | 470,895,143 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 142,711,555,467 | 113,668,731,267 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 189,750,479 | 195,445,910 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 7 | 189,750,479 | 195,445,910 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 61,127,014,373 | 53,273,711,078 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 57,264,586,006 | 49,040,009,095 |
| 222 | - Nguyên giá | | 203,730,626,984 | 182,249,032,111 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (146,466,040,978) | (133,209,023,016) |
| 224 | 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 12 | 351,283,400 | 573,146,600 |
| 225 | - Nguyên giá | | 1,109,316,000 | 1,109,316,000 |
| 226 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (758,032,600) | (536,169,400) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | 13 | 3,511,144,967 | 3,660,555,383 |
| 228 | - Nguyên giá | | 6,943,530,397 | 6,943,530,397 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (3,432,385,430) | (3,282,975,014) |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | 14 | 25,200,362,079 | 25,925,703,903 |
| 231 | - Nguyên giá | | 51,544,546,189 | 51,544,546,189 |
| 232 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (26,344,184,110) | (25,618,842,286) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | 10 | 9,655,709,431 | 6,319,780,262 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 9,655,709,431 | 6,319,780,262 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 24,859,225,327 | 24,394,242,051 |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 24,383,204,024 | 24,234,542,851 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 159,699,200 | 159,699,200 |
| 255 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 316,322,103 | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 21,679,493,778 | 3,559,848,063 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 15 | 21,517,208,064 | 3,356,990,920 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 33.a | 162,285,714 | 202,857,143 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 326,741,213,834 | 312,303,334,849 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 106,196,667,651 | 93,041,519,572 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 104,279,414,370 | 89,659,584,401 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 16 | 38,853,585,937 | 19,948,627,543 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 17 | 1,104,544,524 | 3,407,204,966 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 18 | 1,359,613,006 | 2,241,613,965 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 8,733,315,602 | 10,695,537,369 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 16,335,606 | - |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | - | 4,500,000,000 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 19 | 17,219,616,922 | 16,251,220,978 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 20 | 36,292,033,998 | 31,896,473,805 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 700,368,775 | 718,905,775 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 1,917,253,281 | 3,381,935,171 |
| 338 | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 20 | 899,819,614 | 2,267,590,174 |
| 341 | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 33.b | 1,017,433,667 | 1,114,344,997 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 220,544,546,183 | 219,261,815,277 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 21 | 220,544,546,183 | 219,261,815,277 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 61,725,230,000 | 61,725,230,000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 61,725,230,000 | 61,725,230,000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 137,662,054,443 | 137,662,054,443 |
| 414 | 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 2,140,945,047 | 2,140,945,047 |
| 415 | 4. Cổ phiếu quỹ | | (11,666,581,607) | (11,666,581,607) |
| 418 | 5. Quỹ đầu tư phát triển | | 2,243,857,861 | 2,243,857,861 |
| 421 | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 28,439,040,439 | 27,156,309,533 |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước | | 21,419,600,533 | 17,724,238,709 |
| 421b | LNST chưa phân phối năm này | | 7,019,439,906 | 9,432,070,824 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 326,741,213,834 | 312,303,334,849 |



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lậpNguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởngHoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2023 | Năm 2022 |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23 | 304,082,597,574 | 261,691,896,195 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 24 | 352,003,363 | 175,976,250 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 303,730,594,211 | 261,515,919,945 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 25 | 260,601,563,379 | 218,079,654,906 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 43,129,030,832 | 43,436,265,039 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 26 | 5,609,748,901 | 4,342,997,330 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 27 | 3,474,591,674 | 3,283,490,720 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 1,859,139,515 | 1,445,970,145 |
| 24 | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | 148,661,173 | 1,151,891,630 |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | 28 | 12,370,887,138 | 11,877,062,483 |
| 26 | 10 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 29 | 26,025,040,571 | 22,686,702,883 |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 7,016,921,523 | 11,083,897,913 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | 30 | 2,234,067,392 | 468,763,235 |
| 32 | 13. Chi phí khác | 31 | 685,505,597 | 222,454,868 |
| 40 | 14. Lợi nhuận khác | | 1,548,561,795 | 246,308,367 |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 8,565,483,318 | 11,330,206,280 |
| 51 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 32 | 1,602,383,313 | 2,456,916,173 |
| 52 | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 33.c | (56,339,901) | (558,780,717) |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 7,019,439,906 | 9,432,070,824 |
| 61 | 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | | 7,019,439,906 | 9,432,070,824 |
| 62 | 20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát | | - | - |
| 70 | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 34 | 1,224 | 1,644 |



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lậpNguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởngHoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|-------------|-------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 8,565,483,318 | 11,330,206,280 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 14,895,456,145 | 14,057,092,071 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | (197,276,838) | 225,279,932 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 535,817,232 | (99,890,501) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (5,735,474,981) | (5,268,257,841) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 1,859,139,515 | 1,445,970,145 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | 9,081,000 | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 19,932,225,391 | 21,690,400,086 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 8,807,932,489 | (18,826,878,074) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 8,461,223,314 | (24,167,088,286) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải | | 10,384,687,237 | 17,582,714,437 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | (17,793,262,986) | (1,987,649,412) |
| 13 | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | | 75,049,603 | (368,978,879) |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (1,859,139,515) | (1,445,970,145) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (2,376,011,743) | (816,523,345) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (18,537,000) | - |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 25,614,166,790 | (8,339,973,618) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (25,436,750,042) | (7,042,453,773) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 90,909,091 | 181,818,182 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (72,364,472,989) | (25,628,273,182) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 61,690,035,029 | 34,566,556,861 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | (2,820,000,000) |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 704,248,880 |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 5,695,951,095 | 4,301,936,471 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (30,324,327,816) | 4,263,833,439 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|---|-------------|------------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 81,138,647,508 | 59,841,695,658 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (77,933,367,315) | (48,466,546,957) |
| 35 | 3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | (177,490,560) | (177,490,560) |
| 36 | 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (5,718,524,100) | (4,002,966,870) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (2,690,734,467) | 7,194,691,271 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (7,400,895,493) | 3,118,551,092 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 14,130,215,548 | 11,012,724,255 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 5,751,497 | (1,059,799) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 6,735,071,552 | 14,130,215,548 |



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 61.725.230.000 VND; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 386 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 337 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất phần mềm, phát triển sản phẩm công nghệ thông tin;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh cho thuê mặt bằng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ kho vận.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|-----------------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc | Thành phố Hồ Chí Minh | 100.00% | 100.00% | Sản xuất và dịch vụ |
| Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc | Thành phố Hồ Chí Minh | 100.00% | 100.00% | Công nghệ và truyền thông |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc | Thành phố Hồ Chí Minh | 100.00% | 100.00% | Công nghệ thông tin |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Công ty có 01 công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023:

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|-----------------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | Thành phố Hồ Chí Minh | 37.60% | 37.60% | Lĩnh vực in ấn |

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Tài sản cố định khác | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 20 - 50 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 05 năm |

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
|--------------------------|-------------|

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 098/HĐHTKD ngày 22/07/2020 giữa Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc và Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tài sản hợp tác: Hệ thống trình diễn màn hình nước, hệ thống trình chiếu Laser, hệ thống âm thanh, nội dung trình chiếu trên màn hình nước, hệ thống nhạc nước, hệ thống ánh sáng các photobooth cùng nhân sự vận hành, nhằm trình diễn phục vụ cho khách tham quan tại Công viên Văn hoá Đầm sen.
- + Phạm vi hợp tác: Các Bên cùng nhau hợp tác kinh doanh, điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh, quảng cáo sản phẩm tại Công viên Văn hóa Đầm sen để cùng tăng lượng khách tham quan, phát sinh doanh thu và phân chia doanh thu thu được;
- + Thời gian hợp tác: 7 năm tính từ ngày Hệ thống được nghiệm thu đưa vào hoạt động chính thức;
- + Hình thức hợp tác: Tài sản đồng kiểm soát.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí sửa chữa tài sản, chi phí vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình Led được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.29 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>31/12/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1,134,694,291 | 120,893,928 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 5,600,377,261 | 12,274,830,885 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 1,734,490,735 |
| | <u>6,735,071,552</u> | <u>14,130,215,548</u> |

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | <u>31/12/2023</u> | | <u>01/01/2023</u> | |
|---------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn | 72,048,150,886 | - | 61,690,035,029 | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 72,048,150,886 | - | 61,690,035,029 | - |
| Đầu tư dài hạn | 316,322,103 | - | - | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (**) | 316,322,103 | - | - | - |
| | <u>72,364,472,989</u> | <u>-</u> | <u>61,690,035,029</u> | <u>-</u> |

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 10,7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình với số tiền 2.642.743.000 VND được dùng để làm tài sản đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình.

(**) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 6,0%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chứng khoán kinh doanh

| | 31/12/2023 | | | 01/01/2023 | | |
|---|--------------------|--------------------|---------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | 616,049,276 | 601,849,301 | (14,199,975) | 691,098,879 | 464,785,900 | (226,312,979) |
| <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang (Mã CK: DGC)</i> | - | - | - | 27,255,069 | 20,673,900 | (6,581,169) |
| <i>Cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera - CTCP (Mã CK: VGC)</i> | - | - | - | 34,400,000 | 20,280,000 | (14,120,000) |
| <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinhomes (Mã CK: VHM)</i> | - | - | - | 50,620,000 | 33,600,000 | (17,020,000) |
| <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (Mã CK: AGG)</i> | 90,540,000 | 80,030,000 | (10,510,000) | - | - | - |
| <i>Cổ phiếu Tổng Công ty Idico (Mã CK: IDC)</i> | 394,400,000 | 394,400,000 | - | - | - | - |
| <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vincom Retail (Mã CK: VRE)</i> | 117,500,000 | 116,500,000 | (1,000,000) | - | - | - |
| <i>Cổ phiếu khác</i> | 13,609,276 | 10,919,301 | (2,689,975) | 578,823,810 | 390,232,000 | (188,591,810) |
| | 616,049,276 | 601,849,301 | (14,199,975) | 691,098,879 | 464,785,900 | (226,312,979) |

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 30/12/2022 và 29/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

Tại ngày 31/12/2023, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc là 37,6%. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 24.234.542.850 VND và 24.383.204.023 VND.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2023 | | | 01/01/2023 | | |
|---|--------------------|--------------------|----------|--------------------|--------------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 159,699,200 | 250,880,400 | | 159,699,200 | 176,832,000 | - |
| - Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu) (*) | 100,199,200 | 250,880,400 | - | 100,199,200 | 176,832,000 | - |
| - Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu) | 59,500,000 | - | - | 59,500,000 | - | - |
| | 159,699,200 | 250,880,400 | - | 159,699,200 | 176,832,000 | - |

(*) Khoản đầu tư được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UPCOM tại ngày 30/12/2022 và 29/12/2023;

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| <i>Bên khác</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh | 8,290,540,269 | - | 6,946,011,262 | - |
| Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) | 181,247,063 | - | 4,505,856,298 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoàng Hải | 44,000,000 | - | 990,000,000 | - |
| Công ty TNHH MTV Unigons Việt Nam | 6,484,302,425 | - | - | - |
| Công ty TNHH Kỹ Thuật Xây dựng Đồng Phong (Việt Nam) | 3,047,343,663 | - | - | - |
| Phải thu khách hàng khác | 29,578,775,117 | (221,296,345) | 36,413,261,189 | (206,460,179) |
| | <u>47,626,208,537</u> | <u>(221,296,345)</u> | <u>48,855,128,749</u> | <u>(206,460,179)</u> |

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|-------------------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| <i>Bên khác</i> | 14,047,377,127 | - | 21,339,386,883 | - |
| Công ty Cổ phần Novahomes An Phú | - | - | 4,783,380,981 | - |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova | 8,284,718,612 | - | 8,284,718,612 | - |
| Công ty Cổ Phần Novareal | 2,612,265,248 | - | 2,612,265,248 | - |
| Công ty TNHH MTV Unigons Việt Nam | - | - | 2,255,429,721 | - |
| Trả trước cho người bán khác | 3,150,393,267 | - | 3,403,592,321 | - |
| | <u>14,047,377,127</u> | <u>-</u> | <u>21,339,386,883</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay | 57,719,557 | - | 180,362,678 | - |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội | 304,015 | - | 2,562,560 | - |
| Phải thu về bảo hiểm y tế | - | - | 223,470 | - |
| Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp | - | - | 6,789,700 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 62,725,436 | - | 343,771,262 | - |
| Phải thu khác | 207,225,564 | - | 216,757,666 | - |
| | 327,974,572 | - | 750,467,336 | - |
| b) Dài hạn | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 189,750,479 | - | 195,445,910 | - |
| | 189,750,479 | - | 195,445,910 | - |

8 . NỢ XẤU

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|--------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi: | | | | |
| - Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam | 84,428,747 | - | 84,428,747 | - |
| - Công ty Cổ phần Văn Hóa Nhân Văn | 35,345,200 | - | 35,345,200 | - |
| - Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ | 19,426,500 | - | 19,426,500 | - |
| - Đối tượng khác | 82,095,898 | - | 67,259,732 | - |
| | 221,296,345 | - | 206,460,179 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 17,257,473,287 | - | 18,684,155,862 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 2,264,873,434 | - | 1,517,503,007 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 518,816,566 | - | 9,340,084,221 | - |
| Thành phẩm | 18,838,032,109 | - | 18,660,641,117 | - |
| Hàng hoá | 1,355,696,666 | - | 493,731,169 | - |
| | 40,234,892,062 | - | 48,696,115,376 | - |

10 . TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 846,447,364 | - |
| - Dự án thi công hệ thống PCCC của Hệ thống điện Năng lượng mặt trời | 741,636,364 | - |
| - Bãi đậu xe tại Celadon vị trí (A5b) B2.242 | 104,811,000 | - |
| Mua sắm tài sản cố định | 8,809,262,067 | 5,689,820,831 |
| - Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 (*) | 2,690,358,106 | 2,690,358,106 |
| - Mua sắm căn hộ Celedon (**) | 6,118,903,961 | 2,999,462,725 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 629,959,431 |
| - Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng | - | 354,637,178 |
| - Sửa chữa máy móc thiết bị | - | 275,322,253 |
| | 9,655,709,431 | 6,319,780,262 |

(*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2023, công trình đã hoàn thiện nội thất và đang chờ hoàn tất các thủ tục pháp lý về quyền sở hữu để đưa vào sử dụng.

(**) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại Khu Diamond Brillant thuộc dự án Celadon City Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2023, công trình đã hoàn thiện nội thất, đang chờ hoàn tất các thủ tục pháp lý về quyền sở hữu để đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định khác VND | Cộng VND |
|-------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|--|----------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 47,207,657,840 | 114,835,075,901 | 13,855,671,948 | 5,892,015,251 | 458,611,171 | 182,249,032,111 |
| - Mua trong năm | 225,500,000 | 7,719,020,105 | 2,189,207,327 | 494,433,282 | - | 10,628,160,714 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 11,472,660,159 | - | - | - | 11,472,660,159 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (619,226,000) | - | - | (619,226,000) |
| Số dư cuối năm | 47,433,157,840 | 134,026,756,165 | 15,425,653,275 | 6,386,448,533 | 458,611,171 | 203,730,626,984 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 30,683,722,240 | 86,082,118,631 | 10,347,560,536 | 5,720,991,069 | 374,630,540 | 133,209,023,016 |
| - Khấu hao trong năm | 3,553,295,600 | 8,652,293,823 | 1,332,178,878 | 404,573,348 | (143,500,944) | 13,798,840,705 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (541,822,743) | - | - | (541,822,743) |
| Số dư cuối năm | 34,237,017,840 | 94,734,412,454 | 11,137,916,671 | 6,125,564,417 | 231,129,596 | 146,466,040,978 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 16,523,935,600 | 28,752,957,270 | 3,508,111,412 | 171,024,182 | 83,980,631 | 49,040,009,095 |
| Tại ngày cuối năm | 13,196,140,000 | 39,292,343,711 | 4,287,736,604 | 260,884,116 | 227,481,575 | 57,264,586,006 |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 627.601.071 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.227.886.088 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là hệ thống bộ tấm năng lượng mặt trời và các thiết bị kèm theo có nguyên giá là 1.109.316.000 VND, giá trị hao mòn lũy kế tới thời điểm 31/12/2023 là 758.032.600 VND, khấu hao trong năm là 221.863.200 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Giá trị quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|-------------------------------|------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 6,237,885,093 | 705,645,304 | 6,943,530,397 |
| Số dư cuối năm | 6,237,885,093 | 705,645,304 | 6,943,530,397 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 2,577,329,710 | 705,645,304 | 3,282,975,014 |
| - Khấu hao trong năm | 149,410,416 | - | 149,410,416 |
| Số dư cuối năm | 2,726,740,126 | 705,645,304 | 3,432,385,430 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 3,660,555,383 | - | 3,660,555,383 |
| Tại ngày cuối năm | 3,511,144,967 | - | 3,511,144,967 |

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 705.645.304 VND.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê. Nguyên giá tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 là 51.544.546.189 VND; hao mòn lũy kế tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 lần lượt là 25.618.842.286 VND và 26.344.184.110 VND, khấu hao trong năm là 725.341.824 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 381,323,934 | 650,692,647 |
| Bảo hiểm thân vỏ xe ô tô | 1,281,250 | - |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 42,702,709 | 141,569,404 |
| | 425,307,893 | 792,262,051 |
| b) Dài hạn | | |
| Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ | 205,925,561 | 879,098,901 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 20,771,170,483 | 2,449,029,441 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 540,112,020 | 28,862,578 |
| | 21,517,208,064 | 3,356,990,920 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| <i>Bên liên quan</i> | 9,136,800 | 9,136,800 | - | - |
| Công Ty Cổ Phần In Thương Mại Quảng Cáo Âu Lạc | 9,136,800 | 9,136,800 | - | - |
| <i>Bên khác</i> | 38,844,449,137 | 38,844,449,137 | 19,948,627,543 | 19,948,627,543 |
| Shenzhen Infiled Electronics Co., Công ty Cổ phần khoáng sản GGC | 10,837,556,684 | 10,837,556,684 | - | - |
| Tricon Dry Chemicals LLC | 2,403,660,600 | 2,403,660,600 | 2,419,748,100 | 2,419,748,100 |
| Phải trả các đối tượng khác | 25,603,231,853 | 25,603,231,853 | 15,260,879,443 | 15,260,879,443 |
| | 38,853,585,937 | 38,853,585,937 | 19,948,627,543 | 19,948,627,543 |

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| <i>Bên khác</i> | 1,104,544,524 | 3,407,204,966 |
| Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông Thương mại T3D Việt Nam | - | 138,600,000 |
| Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn | - | 2,301,458,992 |
| Trung tâm Công nghệ Thông tin MobiFone - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông MobiFone | - | 458,480,000 |
| Trường Đại học Kinh tế - Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh | 225,150,456 | - |
| Công ty Cổ phần Truyền thông và Dịch vụ Rồng Việt | 227,235,000 | - |
| Đối tượng khác | 652,159,068 | 508,665,974 |
| | 1,104,544,524 | 3,407,204,966 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|--|---------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | 332,268,148 | 198,871,344 | 12,250,818,095 | 11,891,087,158 | 2,279,200 | 228,613,333 |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu | - | - | 487,128,015 | 487,128,015 | - | - |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 55,961,965 | 1,693,110,101 | 1,611,464,313 | 2,376,011,743 | 120,514,082 | 993,114,788 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 82,665,030 | 256,430,583 | 1,244,524,631 | 1,313,811,524 | - | 104,478,660 |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất | - | - | 55,026,273 | 21,620,048 | - | 33,406,225 |
| Các loại thuế khác | - | 93,201,937 | 769,304,994 | 862,506,931 | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 17,773,000 | 17,773,000 | - | - |
| | 470,895,143 | 2,241,613,965 | 16,436,039,321 | 16,969,938,419 | 122,793,282 | 1,359,613,006 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Kinh phí công đoàn | 89,174,120 | 59,664,020 |
| - Bảo hiểm xã hội | 142,632,853 | 1,048,635 |
| - Bảo hiểm y tế | 69,553,688 | 1,190,470 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 30,311,790 | - |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 7,371,182,872 | 7,656,832,872 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 119,726,030 | 101,541,130 |
| - Quỹ phải trả người lao động | 1,073,555,442 | 1,073,555,442 |
| - Tiền thưởng Ban điều hành | 420,915,454 | 420,915,454 |
| - Bà Trần Thị Huệ ^(*) | 7,630,000,000 | 5,956,085,000 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 272,564,673 | 980,387,955 |
| | 17,219,616,922 | 16,251,220,978 |

(*) Khoản mượn tiền bà Trần Thị Huệ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2023 | | Trong năm | | 31/12/2023 | |
|--|-----------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Vay ngắn hạn Ngân hàng | 30,798,103,245 | 30,798,103,245 | 81,138,647,508 | 77,236,287,315 | 34,700,463,438 | 34,700,463,438 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾ | 18,749,158,245 | 18,749,158,245 | 76,899,612,523 | 60,948,307,330 | 34,700,463,438 | 34,700,463,438 |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh | 7,250,000,000 | 7,250,000,000 | 3,600,000,000 | 10,850,000,000 | - | - |
| - Ngân Hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) | 4,798,945,000 | 4,798,945,000 | - | 4,798,945,000 | - | - |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình | - | - | 499,693,000 | 499,693,000 | - | - |
| - Công ty Cổ phần chứng khoán SSI | - | - | 139,341,985 | 139,341,985 | - | - |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 1,098,370,560 | 1,098,370,560 | 991,570,560 | 498,370,560 | 1,591,570,560 | 1,591,570,560 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽²⁾ | 320,880,000 | 320,880,000 | 214,080,000 | 320,880,000 | 214,080,000 | 214,080,000 |
| - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định ⁽³⁾ | 600,000,000 | 600,000,000 | 600,000,000 | - | 1,200,000,000 | 1,200,000,000 |
| - Nợ thuê tài chính đến hạn trả ⁽⁴⁾ | 177,490,560 | 177,490,560 | 177,490,560 | 177,490,560 | 177,490,560 | 177,490,560 |
| | 31,896,473,805 | 31,896,473,805 | 82,130,218,068 | 77,734,657,875 | 36,292,033,998 | 36,292,033,998 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| | 01/01/2023 | | Trong năm | | 31/12/2023 | |
|--|----------------------|--------------------------|---------------|--------------------|----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽²⁾ | 1,451,360,000 | 1,451,360,000 | - | 697,080,000 | 754,280,000 | 754,280,000 |
| - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định ⁽³⁾ | 1,456,083,454 | 1,456,083,454 | - | - | 1,456,083,454 | 1,456,083,454 |
| - Nợ thuê tài chính đến hạn trả ⁽⁴⁾ | 458,517,280 | 458,517,280 | - | 177,490,560 | 281,026,720 | 281,026,720 |
| | 3,365,960,734 | 3,365,960,734 | - | 874,570,560 | 2,491,390,174 | 2,491,390,174 |
| Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (1,098,370,560) | (1,098,370,560) | (991,570,560) | (498,370,560) | (1,591,570,560) | (1,591,570,560) |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng | 2,267,590,174 | 2,267,590,174 | | | 899,819,614 | 899,819,614 |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay vốn ngắn hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình gồm 02 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 667/TBN-KDN/23NH ngày 20/06/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 1216/TBN-KDN/18TD ngày 15 tháng 10 năm 2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: Đến hết ngày 20 tháng 06 năm 2024;
 - + Thời hạn cho vay: 06 tháng đối với từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 19.505.122.658 VND;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (b) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 926/TBN-KND/23NH ngày 29/08/2023 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 15.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 29/08/2024;
 - + Lãi suất cho vay: Phụ thuộc vào từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.062.417.060 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tại ngày 31/12/2023, khoản tiền gửi có giá trị 2.642.743.000 VND được làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Hợp đồng vay vốn dài hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình gồm 02 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 621/TBN-KDN/20TH ngày 27/05/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 292.980.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 85.680.000 VND;
 - + Hình thức đảm bảo: 02 xe ô tô tải Isuzu QKR77FE4 và NMR85HE4 hình thành từ vốn vay.
- (b) Hợp đồng tín dụng số 926/TBN-KDN/20DH ngày 03/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 900.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 589.700.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 128.400.000 VND;
 - + Hình thức đảm bảo: 01 xe Ford Ranger Wildtrack Biturbo bán tải và 02 xe Isuzu hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số EGD/22239 ngày 18 tháng 07 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 1.800.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền đặt cọc theo Văn bản thỏa thuận số VTV.4-19.06/2019/VBTT/NVH-VHTB;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.456.083.454 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 1.200.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay là căn hộ VTV.4 - 19.06 thuộc Khu nhà ở tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

- (4) Hợp đồng thuê tài chính số B200410902 ngày 22/05/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Loại tài sản: Hệ thống năng lượng mặt trời;
 - + Tổng giá trị nợ gốc: 976.198.080 VND;
 - + Thời hạn thuê: 60 tháng;
 - + Lãi suất: 9,54%;
 - + Số dư nợ gốc còn phải trả: 281.026.720 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 177.490.560 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|--|-------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 61,725,230,000 | 137,662,054,443 | 2,140,945,047 | (11,666,581,607) | 2,243,857,861 | 22,875,070,459 | 214,980,576,203 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - | 9,432,070,824 | 9,432,070,824 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | - | (4,015,696,300) | (4,015,696,300) |
| Tăng do kiểm tra thuế | - | - | - | - | - | 335,133,121 | 335,133,121 |
| Giảm do điều chỉnh sai sót hợp nhất các năm trước | - | - | - | - | - | (1,470,268,571) | (1,470,268,571) |
| Số dư cuối năm trước | 61,725,230,000 | 137,662,054,443 | 2,140,945,047 | (11,666,581,607) | 2,243,857,861 | 27,156,309,533 | 219,261,815,277 |
| Số dư đầu năm nay | 61,725,230,000 | 137,662,054,443 | 2,140,945,047 | (11,666,581,607) | 2,243,857,861 | 27,156,309,533 | 219,261,815,277 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | - | 7,019,439,906 | 7,019,439,906 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | - | (5,736,709,000) | (5,736,709,000) |
| Số dư cuối năm nay | 61,725,230,000 | 137,662,054,443 | 2,140,945,047 | (11,666,581,607) | 2,243,857,861 | 28,439,040,439 | 220,544,546,183 |

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ/2023 ngày 26/04/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

| <u>Phân phối lợi nhuận</u> | <u>Tại công ty mẹ</u> VND |
|---------------------------------------|------------------------------|
| Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ) | 5,736,709,000 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 4,395,436,462 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ | Cuối năm | Tỷ lệ | Đầu năm |
|--|-------------|-----------------------|-------------|-----------------------|
| | (%) | VND | (%) | VND |
| Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B | 17.03% | 10,512,440,000 | 17.03% | 10,512,440,000 |
| Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV | 12.32% | 7,602,110,000 | 12.32% | 7,602,110,000 |
| Ông Hoàng Văn Điều | 9.38% | 5,788,600,000 | 9.38% | 5,788,600,000 |
| Bà Lại Thị Hồng Điệp | 5.77% | 3,558,630,000 | 5.77% | 3,558,630,000 |
| Ông La Thế Nhân | 4.79% | 2,955,500,000 | 4.79% | 2,955,500,000 |
| Ông Nguyễn Văn Mạnh | - | - | 7.24% | 4,475,000,000 |
| Các cổ đông khác | 43.66% | 26,949,810,000 | 36.41% | 22,474,810,000 |
| Cổ phiếu quỹ | 7.06% | 4,358,140,000 | 7.06% | 4,358,140,000 |
| | 100% | 61,725,230,000 | 100% | 61,725,230,000 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 61,725,230,000 | 61,725,230,000 |
| - Vốn góp đầu năm | 61,725,230,000 | 61,725,230,000 |
| - Vốn góp cuối năm | 61,725,230,000 | 61,725,230,000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm | 101,541,130 | 88,811,700 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm | 5,736,709,000 | 4,015,696,300 |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước | 5,736,709,000 | 4,015,696,300 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu | (5,718,524,100) | (4,002,966,870) |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước | (5,718,524,100) | (4,002,966,870) |
| - Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm | 119,726,030 | 101,541,130 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 6,172,523 | 6,172,523 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 6,172,523 | 6,172,523 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 6,172,523 | 6,172,523 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 435,814 | 435,814 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 435,814 | 435,814 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5,736,709 | 5,736,709 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5,736,709 | 5,736,709 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10,000 | 10,000 |

e) Các quỹ công ty

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 2,243,857,861 | 2,243,857,861 |
| | 2,243,857,861 | 2,243,857,861 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang khai thác kinh doanh và cho thuê mặt bằng theo hợp đồng cho thuê hoạt động.

b) Tài sản thuê ngoài

| STT | Vị trí | Diện tích | Thời gian thuê |
|------------|---|----------------------|--|
| 1 | Số 284-286 Hoàng Văn Thụ, P.4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 121,7 m ² | 48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046 |
| 2 | Số 654 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 85 m ² | 48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046 |
| 3 | Số 105A Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 972 m ² | 48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046 |
| 4 | Số 203-205 Võ Thành Trang, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 317 m ² | 48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046 |
| 5 | Số 11 Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 13,58 m ² | 48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046 |
| 6 | Số 09 Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 16,68 m ² | 48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046 |
| 7 | Số 927/8 Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 300 m ² | 48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046 |
| 8 | Số 8 Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 413 m ² | 48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046 |
| 9 | Lô II-3, KCN2, đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh | 9.987 m ² | 41 năm từ ngày 17/07/2006 đến 17/06/2047 |

c) Ngoại tệ các loại

| | <u>31/12/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 2,121.88 | 732.87 |
| - Đồng Singapore (SGD) | 1,572.62 | - |
| - Đồng HongKong (HKD) | 10,396.13 | - |

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | <u>Năm 2023</u> | <u>Năm 2022</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 223,303,753,605 | 174,666,261,013 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 80,778,843,969 | 87,025,635,182 |
| | <u>304,082,597,574</u> | <u>261,691,896,195</u> |
| Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39) | <u>4,000,000</u> | <u>38,796,407</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Hàng bán bị trả lại | 67,457,909 | 80,967,790 |
| Giảm giá hàng bán | 284,545,454 | 95,008,460 |
| | 352,003,363 | 175,976,250 |

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán | 187,541,096,357 | 150,173,839,039 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 73,060,467,022 | 67,905,815,867 |
| | 260,601,563,379 | 218,079,654,906 |

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 4,766,437,974 | 3,316,383,749 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | - | 204,248,880 |
| Lãi bán chứng khoán kinh doanh | 20,420,000 | 134,546,099 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 806,870,000 | 413,915,400 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 15,352,337 | 172,952,902 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 668,590 | 100,950,300 |
| | 5,609,748,901 | 4,342,997,330 |
| Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39) | 789,600,000 | 526,337,000 |

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 1,859,139,515 | 1,445,970,145 |
| Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm | 211,848,697 | - |
| Lỗ bán chứng khoán kinh doanh | 7,504,267 | 109,906,220 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 1,071,726,377 | 1,466,228,020 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 536,485,822 | 1,059,799 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | (212,113,004) | 226,312,979 |
| Chi phí tài chính khác | - | 34,013,557 |
| | 3,474,591,674 | 3,283,490,720 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 64,276,086 | - |
| Chi phí nhân công | 8,127,797,776 | 6,851,667,570 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 238,060,464 | 272,461,908 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1,616,888,328 | 2,688,404,203 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2,323,864,484 | 2,064,528,802 |
| | 12,370,887,138 | 11,877,062,483 |

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 357,768,130 | 247,701,636 |
| Chi phí nhân công | 13,870,565,170 | 12,633,254,478 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4,430,618,390 | 4,319,844,715 |
| Thuế, phí, lệ phí | 337,764,173 | 45,790,894 |
| Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng) | 14,836,166 | (1,033,047) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1,923,623,292 | 2,200,569,810 |
| Chi phí khác bằng tiền | 5,089,865,250 | 3,240,574,397 |
| | 26,025,040,571 | 22,686,702,883 |

30 . THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 13,505,834 | 181,818,182 |
| Tiền phạt thu được | - | 244,066,803 |
| Lãi phạt không thực hiện được hợp đồng | 2,191,347,875 | - |
| Thu nhập khác | 29,213,683 | 42,878,250 |
| | 2,234,067,392 | 468,763,235 |

31 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản bị phạt | 447,280,574 | 181,498,823 |
| Tiền phạt hợp đồng | 129,811,000 | - |
| Chi phí khác | 108,414,023 | 40,956,045 |
| | 685,505,597 | 222,454,868 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ | 1,314,130,355 | 2,456,916,173 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc | 238,727,470 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1,552,857,825 | 2,456,916,173 |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | 49,525,488 | - |
| Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải trả của các năm trước vào thuế TNDN phải trả năm nay | 9,081,000 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm | 1,637,148,136 | (3,244,692) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm | (2,376,011,743) | (816,523,345) |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm | 872,600,706 | 1,637,148,136 |
| 33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI | | |
| a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | |
| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
| | VND | VND |
| - Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 20% | 20% |
| - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 162,285,714 | 202,857,143 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 162,285,714 | 202,857,143 |
| b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | |
| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
| | VND | VND |
| - Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 20% | 20% |
| - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 1,017,433,667 | 1,114,344,997 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 1,017,433,667 | 1,114,344,997 |
| c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | |
| | Năm 2023 | Năm 2022 |
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hạch toán bổ sung trong năm | 40,571,429 | 40,571,429 |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả hạch toán bổ sung trong năm | (96,911,330) | (599,352,146) |
| | (56,339,901) | (558,780,717) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế | 7,019,439,906 | 9,432,070,824 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 7,019,439,906 | 9,432,070,824 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 5,736,709 | 5,736,709 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1,224 | 1,644 |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 129,261,544,730 | 89,542,078,820 |
| Chi phí nhân công | 58,414,622,921 | 58,366,434,350 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 13,948,251,121 | 14,057,092,070 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 37,486,361,539 | 41,618,146,688 |
| Chi phí khác bằng tiền | 12,478,647,823 | 10,850,251,890 |
| | 251,589,428,134 | 214,434,003,818 |

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|----------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|--------------------|
| Tại ngày 31/12/2023 | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | 601,849,301 | - | - | 601,849,301 |
| Đầu tư dài hạn | - | 316,322,103 | - | 316,322,103 |
| | 601,849,301 | 316,322,103 | - | 918,171,404 |
| Tại ngày 01/01/2023 | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | 464,785,900 | - | - | 464,785,900 |
| | 464,785,900 | - | - | 464,785,900 |

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2023 | | | | |
| Tiền | 5,600,377,261 | - | - | 5,600,377,261 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 47,732,886,764 | 189,750,479 | - | 47,922,637,243 |
| Các khoản cho vay | 72,048,150,886 | 316,322,103 | - | 72,364,472,989 |
| | 125,381,414,911 | 506,072,582 | - | 125,887,487,493 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|--|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2023 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14,009,321,620 | - | - | 14,009,321,620 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 49,399,135,906 | 195,445,910 | - | 49,594,581,816 |
| Các khoản cho vay | 61,690,035,029 | - | - | 61,690,035,029 |
| | 125,098,492,555 | 195,445,910 | - | 125,293,938,465 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2023 | | | | |
| Vay và nợ | 36,292,033,998 | 31,896,473,805 | - | 68,188,507,803 |
| Phải trả người bán, phải trả | 56,073,202,859 | - | - | 56,073,202,859 |
| Chi phí phải trả | 16,335,606 | - | - | 16,335,606 |
| | 92,381,572,463 | 31,896,473,805 | - | 124,278,046,268 |

Tại ngày 01/01/2023

| | | | | |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|----------|-----------------------|
| Vay và nợ | 31,896,473,805 | 2,267,590,174 | - | 34,164,063,979 |
| Phải trả người bán, phải trả | 36,199,848,521 | - | - | 36,199,848,521 |
| | 68,096,322,326 | 2,267,590,174 | - | 70,363,912,500 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

| | Hoạt động sản xuất và thương mại VND | Hoạt động dịch vụ VND | Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND |
|--|---|--------------------------|---------------------------------------|
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 222,951,750,242 | 80,778,843,969 | 303,730,594,211 |
| Chi phí bộ phận trực tiếp | 187,541,096,357 | 73,060,467,022 | 260,601,563,379 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 35,410,653,885 | 7,718,376,947 | 43,129,030,832 |
| Tổng chi phí mua TSCĐ | 11,110,649,585 | 10,990,171,288 | 22,100,820,873 |
| Tài sản bộ phận trực tiếp | 221,594,791,526 | 80,287,196,981 | 301,881,988,507 |
| Tài sản không phân bổ | | | 24,859,225,327 |
| Tổng tài sản | 221,594,791,526 | 80,287,196,981 | 326,741,213,834 |
| Nợ phải trả bộ phận trực tiếp | 75,920,080,050 | 29,576,218,826 | 105,496,298,876 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | 700,368,775 |
| Tổng nợ phải trả | 75,920,080,050 | 29,576,218,826 | 106,196,667,651 |

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--|
| Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | Công ty liên kết |
| Ông La Thế Nhân | Chủ tịch HĐQT |
| Bà Lại Thị Hồng Điệp | Phó chủ tịch HĐQT |
| Ông Hoàng Minh Anh Tú | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành |
| Ông Hoàng Văn Điều | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn | Thành viên HĐQT |
| Ông Trịnh Xuân Quang | Thành viên HĐQT |
| Ông Đoàn Thanh Hải | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Anh Thuận | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Văn Danh | Trưởng Ban kiểm soát |
| Bà Thái Thị Phượng | Thành viên Ban kiểm soát |
| Bà Quách Thị Mai Trang | Thành viên Ban kiểm soát |

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu | 4,000,000 | 38,796,407 |
| Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | 4,000,000 | 38,796,407 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 789,600,000 | 526,337,000 |
| Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | 789,600,000 | 526,337,000 |
| Mua hàng | 28,140,000 | - |
| Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | 28,140,000 | - |
| | Năm 2023 | Năm 2022 |
| | VND | VND |
| Thu nhập của người quản lý chủ chốt | | |
| Ông La Thế Nhân | 80,000,000 | 45,000,000 |
| Ông Hoàng Văn Điều | 59,400,000 | 260,607,000 |
| Bà Lại Thị Hồng Điệp | 60,700,000 | 228,631,000 |
| Ông Hoàng Minh Anh Tú | 800,493,940 | 861,139,940 |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn | 50,000,000 | 40,000,000 |
| Ông Nguyễn Văn Danh | 357,300,000 | 276,012,500 |
| Ông Nguyễn Anh Thuận | 20,000,000 | |
| Ông Đoàn Thanh Hải | 20,000,000 | |
| Bà Thái Thị Phượng | 209,224,000 | 181,369,000 |
| Bà Quách Thị Mai Trang | 230,324,000 | 232,000,000 |
| Ông Lê Quốc Thắng | - | 98,560,640 |

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.





Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024